

TRẦN VĂN GIÁP

LUOC-KHAO VE
KHOA-CU VIET-NAM

1241

TRẦN-VĂN-GIÁP

*Diplômé de l'Ecole des Hautes Etudes de la Sorbonne et de l'Institut
des Hautes Etudes Chinoises de Paris, assistant de l'Ecole Française
d'Extrême-Orient*

LU'Ợ'C KHẢO

VỀ

KHOA-CỦ' VIỆT-NAM

(TỪ KHƠI-THỦY ĐẾN KHOA MẬU-NGỌ, 1918)

Có mười tám ảnh

Trích ở khai-tri tiến-đức tập-san

HANOI

Imp. du Nord, 133 Rue du Coton

1941

LƯ'OC KHẢO về **KHOA-CỦ' VIỆT-NAM**

TỪ KHÔI-THỦY ĐẾN KHOA MẬU-NGO (1918)

(TRẦN-VĂN-GIÁP)

MỞ ĐẦU

Sinh vào dữa thê-kỷ thứ XX, đương lúc công-nghệ mới-mang, khoa-học phát-đạt, ai ai cũng tự hào — hoặc đúng hay không đúng không kể — tự-hào là văn-minh tiên-bộ, thê mà còn nhắc lại đèn truyện khoa-cử cùng trường thi-hương là một câu truyện mới quên được mấy chục năm nay ; mới nghe thầy, chắc phần nhiều thở giải mà than rằng ; « Rõ một vãn-đề hủ-bại ! Ý lại muôn cố-động về thi Nam chẳng ? lại muôn rú nhau phô-diễn tân tuồng đeo lều đập lọ, dặt nhau dặt lùi vào trong giấc mơ-màng đã mấy trăm năm ! Nhưng không, xin chớ đoán định vội-vàng, phủ việt quá nghiêm. Khoa-cử cùng trường-thi, cách ba mươi năm về trước, còn là một nơi « lừa lọc anh hùng đèn đấu bạc chưa thôi » thì có lẽ thật là một việc hủ bại, một cái ngộ-diễm to, không những của đồng-bào ta mà của cả các nước cùng chung một văn - hóa Tàu ở Á - đông. Nhưng từ năm 1918 là khoa kết-cục trường thi cũ của nước Nam trở về sau

thi khoa cử cùng trường-thi Nam-định (1) đã thuộc về văn-đề lịch-sử, nêu cho là nhảm, là xấu, mà không nề không nói đến thi khác gì mình có cái xấu cứ đem đầu kín mãi, không cho đồng-bào cùng biết, còn ai biết đầu mà tránh, cái hại lại càng to mà đến cái tốt đẹp cũng chưa chắc đã có mà đã là tốt đẹp. Kỳ thực ra, chính đó là cái cơ-quan nung-đúc nhân-tài của xứ mình, trong khoảng mấy trăm năm ; biết bao nhiêu danh-nhân, phần nhiều đều ở đó mà ra : văn-nhân mặc-sĩ cũng có, danh-thân lương-tướng cũng có, đầy dẫy trong sử sách, ít

(1) Văn-đề này đã diễn tại câu lạc bộ Lạc-bằng ở Nam-định do hội Trí-tri tổ chức ngày 22 Février 1941. Nhân tiện đây xin nói qua về lịch-sử tỉnh Nam. Tất cả các đất ở Á-đông, không có một xứ nào đã là đất trọng-yếu trong lịch-sử mà từ lúc có sử đến nay lại chỉ có một tên ; vật đổi sao dời, sông cạn núi mòn, mỗi cuộc tang thương, mỗi lớp phế hưng lại một phen thay đổi, hoặc về danh-hiệu, hoặc về hình-thức, nghĩa là ta không muốn nói tới tinh-thần. Những sự thay đổi ấy tại vì nhiều nhẽ, hoặc vì chánh trị, hoặc vì tương-thụ, hoặc vì linh-lịch, vì mê tín lại cũng có khi vì tôn-sùng danh-nhân. Đó là cái công-lệ của tất cả các sử thuộc về ảnh-hưởng văn-hóa Trung-hoa Tỉnh Nam-định không phải là một nơi tân-bồi như tỉnh Hà-tiên trong Nam hay như huyện Kim-sơn, Tiền-hải ở Ninh-bình và Nam-định. Tỉnh Nam ta có đã từ lâu, tiếc không đủ thì giờ mà nói phân-minh về duyên-cách, xin tóm-tắt qua để hiểu đại-lược. Tỉnh Nam về đời Hùng-vương (thế kỷ thứ ba trước Thiên-chúa) thuộc về quận Lạc-hải ; đời Hán thuộc về Giao-chỉ. Trải qua mấy phen Bắc-thuộc, đến đời Trần (1225-1413) thì gọi là Thiên-trường-lộ, chính là nơi phát-tích các bậc anh-kiệt đời Trần, nào văn-sự, nào võ-công, đã làm được nhiều việc rực-rỡ trên sử-sách nước Nam nhà. Đời Lê Thánh-tôn hồi Quang-thuận (1460-1469) gọi là Thiên-trường-thừa-tuyên ; khi định bản đồ năm Hồng-đức (1490) gọi là Sơn-nam xứ. Năm Cảnh-hưng thứ hai (1741) đổi gọi là Sơn-nam hạ lộ, vậy tiếng *Nam-hạ* trong phương-ngôn ta thường nghe có từ đây. Đời Tây-sơn cho đến đức Gia-long đều gọi là Sơn-nam hạ-trấn. Mãi đến năm Minh-mạng thứ 3 (1822) đổi gọi là Nam-định trấn, đến năm thứ mười mới đặt ra tỉnh Nam-định (Xem sách *Đại-Nam nhất thống chí*). Trong khoảng một trăm năm trước đây, tỉnh Nam-định sở dĩ có tiếng, toàn quốc thiếu-niên nào bậc anh-tuấn, nào người ngu-độn, ai ai cũng chú-trọng đến tỉnh Nam, là vì có trường-thi hương ở đó.

người là không do khoa mục. Vấn-đề khoa-cử là một thiên trọng-yêu cần-thiết trong *văn-học sử* cùng *văn-hóa sử* nước nhà. Và chừng, xem qua những phương-pháp thi cử chúng tôi sắp bày tỏ sau đây, đủ biết cách tổ-chức của tiên-nhân ta, tuy đem so với phương-pháp Âu, Mỹ thì thật chưa được hoàn-bì, nhưng thật có nhiều điều ta nên để ý suy xét, có lẽ những phương-pháp ấy thích-hợp với tính-tình phong-tục cùng thiên-thời thủy-thổ xứ mình chăng.

Cổ-nhân có nói « Nhân tài là nguyên khí của nhà nước mà khoa cử là thân đồ của học-trò 人才國家之元氣科目士子之坦途 », vậy khoa cử đặt ra cốt để kén chọn nhân-tài cho nhà nước. Mục đích vẫn hay, duy chỉ tại người đem thi-hành hoặc tự - tự tự-lợi, hoặc thiên chấp câu-nệ, làm sai lạc phương-châm mãi đi, nên nhiều người cho là có hại, mà cử thê thì có hại thực.

Thi hương là một kỳ thi tất cả những sĩ tử ở các châu, huyện trong một tỉnh hay nhiều tỉnh cùng thi ở một tỉnh-lị nào để kén chọn lấy người học giỏi, rồi lại cùng thi ở kinh-đô với những người học giỏi các tỉnh khác. Những người trúng tuyển thi hương tùy theo từng thời, hoặc gọi là công-cử, hoặc gọi là cử-nhân. Lội thi hương là tổ thuật của Tàu mà ở Tàu cũng mới bắt đầu có từ đời Đường là vì từ đó cách tuyển-cử không do ở các trường học hay ở các quan nữa (1). Trước khi nói đến vấn-đề trường-thi hương Nam-định, ta hãy xét qua về lịch-sử khoa cử cả văn lẫn võ ; và nguồn-gốc phép thi.

*
* *

LỊCH-SỬ KHOA CỬ

Nước ta là một nước nhỏ ở cạnh nước Tàu, trải bao lâu Bắc thuộc, nên nhất thiết chế-độ đều phải theo Tàu cả, dần dần tập quen, cái gì cũng Tàu thì mới có

(1) Xem sách *Đường-thư* 唐書, mục *Tuyển-cử chí* 選舉志

về hay về tốt. Ngay từ hồi ấy, trong con mắt người ta cùng người Tàu, chỉ có nước Tàu là văn-minh, cũng như Hi-lạp và La-mã ở phương tây, ngoài nước Tàu ra toàn là rợ mọi cá (1). Nước ta mãi đến đời Đinh trở về sau, thoát li được cường-quyền, gây nên độc-lập, thì đã vào hồi nước Tàu đặt ra khoa-cử rồi, thế cho nên cách kén chọn nhân-tài ở xứ ta chỉ có lời khoa-cử cũng như ở Tàu về hồi đó mà thôi. Vậy xét qua cách kén chọn nhân-tài ở Tàu đời xưa, không phải là không bổ-ích.

Ở Tàu, trước hồi có khoa-cử cũng đã có nhiều cách lựa chọn lấy nhân-tài. Xét từ thượng-cổ, người ta còn ăn lông ở lỗ, mặc lá đeo da, ai mạnh thì sông, ai yếu thì bẹp; dần dần về sau, văn-hóa một tiên, lấy trí tuệ mà tranh đánh nhau, nên các cổ-nhân rất lưu ý về việc giáo-dục dân chúng, đoán luyện nhân-tài, tuy chưa đặt riêng ra khoa cử, nhưng kén ngay ở trường học, cốt được thực tài. Thời tam-vương (trước Th. Ch.) trẻ con mới vỡ lòng học ở nhà, gọi là *Thục 塾*; khi đã biết ít nhiều cho học ở trường làng, gọi là *Tường 庠*; tốt nghiệp ở trường làng lên học ở tỉnh, gọi là *Tự 序*; khi đã thành tài lên học ở nước gọi là *Học 學* tức là đại-học. Theo trong sách *Châu-lễ 周禮* và *Vương-chế 王制* mỗi khi học-trò tốt nghiệp ở từng trường đều có danh hiệu riêng: Tú-sĩ, Tuyền-sĩ, Tuân-sĩ, và Tiên-sĩ; từ trường nọ cử lên trường kia thì do ở các ông thầy dạy bình nhật kén chọn trong bọn những người còn theo học, không những phải có tài có học mà còn phải có đức-hạnh. Ông thầy nào kén chọn không cẩn-thận, hoặc ầm-nặc người giỏi thì không những phải pháp-luật nghiêm phạt, mọi người đều khinh-bị, không kể là người trong xã-hội. Việc tuyển cử đó mãi đến đời Xuân-thu hãy còn thầy thi-hành, phép nội-chính của vua Tề Hoàn-công còn chép trong sách *Quốc-ngữ 國語* rõ-ràng lắm. « Cử

(1) Các xứ ở phía đông gọi là *dị 夷*; phía tây là *nhung 戎*; phía nam là *man 蠻*; phía bắc là *dịch 狄*.

rầm thánng giêng, vua thân đi từng làng, dòm quan thủ-hiền ra hỏi xem trong làng ấy có ai là người học-hành giỏi, tính nết tốt, thì phải đề cử, nếu ần nặc hay không biết thì phải tội. Đó là kén chọn văn thân, đến vũ-tướng cũng vậy, cũng bắt phải đề cử những bậc tài nghệ siêu-quần ». Lọc đi lọc lại, ai cũng phải lấy công-tâm vì xã-hội kén chọn người hay, có phải cổ-nhân cầu thá, chỉ trong một hai ngày thì cử thì làm sao có thể khỏi di tãi, khỏi lạm dụng được. Dần dần về sau nhân trào-lưu phong-kiến, không những đề-đô vương nghiệp, đời nọ nôi đời kia mà đến các quan chức cũng cha truyền con nối; có người không biết một chữ, không hiểu một việc cũng cầm quyền cai-trị, thì còn lấy đâu mà thịnh được; thế cho nên trong sách Xuân-thu thường chê cách thê-khanh là không hay. Đến đời Tần đời Hán, sau một hồi loạn lạc lung tung, tướng lâm rãng, làm cho dân ngu thì dễ cai-trị, nên Tần thì phần thư khanh nho, Hán thì không nói tới học-hiệu, đặt ra các khoa để kén người, chia học hiệu khoa-cử ra làm hai: học hiệu là tư của dân-chúng mà khoa - cử là công của quốc-gia. Không có trường dạy mà chỉ tìm cách kén người thì lấy người đâu mà kén, điều đó có lẽ trái tai lắm; nhưng an tri cách học hiệu được tự do lại không là một việc hay. Theo chính-sách ấy thì sự giáo-dục không được phổ tề khắp mọi người về đủ các phương-diện, nhưng ai đã xuất quần thì có lẽ lại tự đào chú được hoàn-toàn xuất sắc, cho nên Hán, Đường, Tống cũng sản xuất được nhiều cự nho, danh-tướng. Cho đến mãi đời Tống, Vương An-Thạch là người có sáng kiến hay, xin lại dựng lại các học-hiệu bỏ lối thi cử toàn bằng văn-chương, theo như lối đời Tam-vương dạy bảo quốc-dân cho được hoàn bị, tiếc vì những chánh-sách hay của ông ít người tán-thành, phần nhiều câu nệ về lối từ-chương. Mãi tới hồi có phong-trào Thái-tây tràn sang

Đông-á, ông Khang ông Lương hết sức hô-hào, được ít lâu rồi khoa-cử nước Tàu mới bãi hẳn. Đó là kết cục ở Tàu, còn ở ta cũng nhờ phong-trào ấy mà có sự biến đổi to trong lịch-sử.

Tuy vậy, vấn-đề khoa - cử cũng không phải là mới mẻ gì, không phải là bây giờ ta mới khảo-sát tới; các cụ ta cũng đã có khảo-cửu nhiều: khảo-cửu riêng về khoa cử ở nước ta cũng có, riêng về ở Tàu cũng có mà chúng cá hai cũng có. Trong các sách của cụ Lê Quí-Đôn (1), Phan Huy-Chú (2), Trương Quốc-Dụng (3), Vũ Phạm-Khải (4) cũng đã có nói đến khoa cử cùng lịch-sử khoa cử. Những sách ấy đều là sách viết cả. Về hồi Tự-đức thứ 26, năm quý-dậu (1873) chính đương lúc triều-đình ta có nhiều việc; nào trong Nam ngoài Bắc, nào cờ vàng, cờ đen, nào cụ Nguyễn Tri-Phương tử tiết, v.v.. thì có in ra một bộ sách tên là *Cổ-kim khoa thi thông khảo* của cụ Nguyễn Truyết-phu làm ra, có lẽ là cụ

(1) Trong sách *Kiến văn tiểu lục* 見聞小錄 (p. 42-57) cụ Lê Quí-Đôn 黎貴惇, về mục Thê-lê có một đoạn riêng về khoa mục, so sánh khoa cử ta với Tàu.

(2) Sách *Lịch triều hiến chương loại chí* (quyển 26-28) của cụ Phan Huy-Chú có đề riêng một mục *Khoa mục chí*, chia làm ba điều: 1.) *Lịch đại thi pháp chí cương* 歷代試法之綱 « Phép tắc thi về các đời »; 2.) *Hương vi khảo thi chí lệ* 鄉闈考試之例 « Điều-lệ về thi hương »; 3.) *Lịch khoa đăng chúng chí số* 歷科登中之數 « Số người thi trúng lừng khoa ».

(3) Cụ Trương Quốc-Dụng trong sách *Thoái thực ký văn* cũng có nói về khoa cử ở ta.

(4) Cụ Vũ Phạm-Khải có làm sách *Bắc triều lịch đại diên yếu thông luận*, trong đó có mục nói riêng về khoa cử ở Tàu.

Nguyễn Chánh (1). Trong các bộ *Đăng khoa lục* (2), bộ nào cũng có một bài tổng-luận nói qua về lịch-sử khoa-cử. Gần đây ông Nguyễn Văn-Đào có làm bộ sách gọi là *Hoàng Việt khoa cử kinh* in trong tạp-chi Nam-phong. Theo nhời trong bài tựa của tác-giả thời quyền sách này cốt để làm một vật kỷ-niệm cho khoa trường « 留爲科場一紀念 » và giúp cho các nhà khảo cổ sau này.

Xem đó đủ rõ về lịch-sử khoa cử đã có nhiều sách nói phân-minh kỹ-lưỡng, nhưng hiếm vì các sách này đều chỉ nói thiên về khoa thi văn, không nói qua một câu

(1) Sách *Cổ kim khoa thi thông khảo* có 3 quyển: quyển nhất khảo về các phép thi, các khoa thi về các thời-đại nước Tàu, từ đời Hán đến đời Mãn Thanh; quyển thứ hai khảo về các phép thi và các khoa thi về lịch triều ta, từ đời Lý cho đến đời Tây-sơn; quyển thứ ba riêng về Nguyễn-triều ta, từ đời Gia-long đến đời Tự-đức. Bộ sách này thật là có công khảo-cứ kỹ càng phân-minh.

(2) Các bộ *Đăng khoa lục*, đại khái như bộ: *Đại Nam lịch triều đăng khoa lục* của cụ Nguyễn-Hoãn in năm Cảnh-Hung thứ 40 (1779) Đến năm Thiệu-trị thứ 3 (1843) cụ Lê Nguyên-Trung đem in lại làm bài tựa và nối thêm một quyển gọi là *Quốc triều đăng khoa hợp biên*; đến năm Tự-đức thứ 13, cụ Lê Đình-Duyên có làm nối thêm từ năm Thiệu-trị thứ 7 (1847) đến năm ấy là năm 1862 gọi tên là *Tục khắc đăng khoa hợp biên*. Những bộ *Đăng khoa lục* ấy chỉ chép những đại khoa, mãi đến sau có cụ Phạm Đình-Túy 范廷湊 tự Thiếu du 少游 làm đủ cả hương-khoa về bản triều, nhưng chưa in, sau cụ Cao Xuân-Dục đem soạn lại và nối theo, in thành sách *Quốc triều hương khoa lục*, từ lúc khai khoa bản triều cho đến năm Thành-Thái đinh-dậu sau lại tục biên từ Thành-thái canh-ti cho đến Khải-định mậu-ngọ (19 8) là khoa thi hương kết-cục ở cả toàn quốc. Ngoài ra cụ Cao lại in thêm quyển *Quốc triều khoa bảng lục* chỉ chép riêng các đại khoa về bản triều. Lần thứ nhất in vào năm Thành-thái giáp-ngọ (1894) chép từ khoa Minh-mạng nhâm-ngọ (1822) là khai khoa hội về bản-triều cho đến khoa Thành-Thái nhâm-thìn (1892) sau lại tục thêm từ khoa Thành-thái ất-vị (1895) cho đến kết-cục thi hội ở nước ta là khoa Khải-định kỷ-vị (1919).

nào đèn thi võ; các sách ấy làm ra cốt để cho hậu-thê biết cái tài học của các văn nhân, biết cái gốc tích của làng văn. Nêu bây giờ chúng ta theo thứ tự các sách kể trên mà dịch-thuật ra thì về văn-khoa thật là quá đủ thành ra thừa nhiều mà về võ thì không có một ít nào. lại là thật thiếu. Vậy chúng tôi xin lược thuật qua loa để chúng ta cùng hiểu đại-lược cả thi văn cùng thi võ ở nước ta.

Thi văn có từ bao giờ ?

Khoa thi văn thứ nhất nước ta có từ năm Thái-ninh â-t-mão đời vua Lý Nhân-tôn (1075), gọi tên là khoa Minh-kinh bác-học, là tổ thuật ở khoa *Minh-kinh sạ sách, Bác học hoành tử* của đời Hán, đời Đường mà đèn đời Tống cũng vẫn còn theo.

Thi võ có từ bao giờ ?

Cụ Lê Quí-Đôn thi báo trước đời nhà Lê, nước ta không có thi võ, nhưng xem trong các sử sách, năm Chính-long thứ 8 (1170) đời Lý Anh-tôn, vua thường ra tập bắn tại trường bắn ở phía nam kinh - thành, khi tập có bắt các quan võ thường ngày phải đua nhau tập học phép công thủ, lời bày trận. Đèn đời vua Trần Thái-tôn có chọn những người có dũng-lực mà hiểu võ nghệ cho làm thượng-đô túc-vệ, thì ta có thể cho rằng thi võ của nước ta khởi thủy từ đó.

*
* * *

PHEP THI VĂN

Bây giờ lại xét thêm về thi văn. Đời nhà Lý hãy còn là một thời-kỳ phôi-thai trong *sử tự trị* nước Nam, nên về thể-lệ thi cử, cũng chưa được chỉnh-đôn nhất-định. Từ năm Thái-ninh â-t-mão (1075) là khai khoa, trái trong khoảng 150 năm chỉ thấy có hơn 10 khoa thi: khi thi lấy

người văn học cho vào hàn-lâm (năm Quảng-hựu bình-dần 1086 ; khi thi điện-thí (năm Đại-dinh nhâm-thân, 1152) ; khi thi thi lại-viên, tăng-đạo, thi - thư, văn-nghe, thư-toán, hình-luật bạ - đầu cùng tam - giáo. Đền đời vua Thái-tôn nhà Trần, năm Kiên-chung nhâm-thìn (1232) mới đặt ra khoa Thái-học-sinh, bảy năm có một khoa thi chia ra tam giáp : đồ đầu gọi là tam khôi nghĩa là, Trạng-nguyên, Bảng-nhơn, Thám-hoa, còn thi Thái-học-sinh tức cũng như Tiên-sĩ về sau, nhưng tên Tiên-sĩ thì mãi tới đời Duệ-tôn mới thấy xuất hiện, còn tên Hoàng-giáp thì đã có từ năm Hưng-long. Trước khoa Hưng-long thi phép thi không được tường, bắt đầu từ đây trong sử có chép phép thi gồm có bốn trường : Kỳ thứ nhất phải viết ám-tá thiên *Y-quốc* 醫國篇 cùng truyện *Mục-thiên-tử* 穆天子 rồi làm kinh nghĩa ; kỳ thứ hai có một bài phú, hai bài thơ ; kỳ thứ ba làm chiêu-chê, biểu mỗi thứ một bài ; kỳ thứ tư có một bài văn, sách. Trong đời Trần cũng có thay đổi, khi thi bỏ ám-tá, khi thi bỏ văn sách. Đời Nhuận-Hồ có khoa thi cử-nhân, khoa cử-nhân có lẽ bắt đầu có ở nước ta từ đây. Đức Lê Thái-tổ Lê-Lợi khi sắp khôi-phục được thành Đông-quan tức là Hà-nội bây giờ, đóng quân ở bên Bồ-đề (Gia-lâm cũng đã có mở khoa thi đề kén nhân-tái, nhưng lúc bấy giờ còn loạn-lạc nên thi cử cũng còn lạo thảo. Mãi đến năm Thiệu-bình giáp-dần (1434) đời vua Thái-tôn mới định sáu năm có một khoa thi lớn, năm trước thi thi hương ở các đạo, đến năm sau thi hội, ai đỗ gọi là Tiên-sĩ, phép thi cũng có bốn trường : kỳ thứ nhất năm bài kinh-nghĩa : một bài kinh bốn bài truyện ; kỳ thứ hai ba bài : chiêu, chê, biểu ; kỳ thứ ba thơ, phú ; kỳ thứ tư văn-sách. Về thể-lệ cách-thức thi cử thì mãi đến đời vua Lê Thánh-tôn mới gọi là hoàn-bị, mà những thể-lệ cách-thức ấy tới đến gần kết-cục cũng vẫn còn phải lấy làm mẫu-mực. Năm Quan-thuận thứ ba (1462) định phép thi hương, ai đậu được ba kỳ gọi là Sinh-đồ, ai đậu được bốn kỳ gọi là Hương-công. Ấy tiếng ông Công,

ông Đỗ khởi thủy từ đây. Đền năm sau mới đặt lệ tam giáp xuất thân; nhất giáp gọi là tam khôi, Trạng-nguyên, Bảng-nhơn, Thám-hoa; nhị giáp gọi là Hoàng-giáp; tam giáp gọi là Tiên-sĩ. Chữ *Trạng-nguyên* là tổ-thuật ở lời nhà Đường, người nào có tên ở đầu bảng thì gọi là Trạng-đầu hay Trạng-nguyên; còn chữ Bảng-nhơn, thám-hoa mới thấy có từ đời Nguyên trong bài thi tự của Âu Dương-Huyền cũng là theo một tục riêng có từ đời Đường, chọn hai người nào trẻ tuổi nhất trong bảng đồ gọi là *Thám-hoa lang*. Tên gọi các người thi đỗ là Hoàng-giáp và Tiên-sĩ thì mới bắt đầu có từ đời Tống cũng như khoa thi chia làm Tam-giáp, có từ năm Thái-bình hưng-quốc thứ tám (983). Còn đền tiêng ông *Nghê*, hễ đỗ Tiên-sĩ thì gọi là ông *Nghê* thì tiêng *nghe* đó bởi từ đâu? Cụ Vũ Văn-Lập trong sách *Nam sử tập bản* 武文立南史輯編 (quyển 3, tờ 41) có cắt nghĩa chữ *nghe* rằng: « Theo cổ tục ta, phẩm những miếu thờ thần thánh, nơi tôn nghiêm đều gọi là *nghe*, các ông đỗ tiên-sĩ thì bỏ vào Hàn-lâm ngay, không cần phải có tài cai-trị mới được vinh tiền, làm quan ở trong triều, châu hầu nơi lãng miếu, cho nên gọi Tiên-sĩ là ông *Nghê*, cũng như bây giờ ai viết chữ tốt được bỏ làm bút - thiếp ở Hàn-lâm cũng gọi là cậu *Nghê*; nghĩa là lấy tiêng công mà thay vào tiêng tư. Thê cho nên có câu ngạn-ngữ: Đá xanh xây công hòn dưới nòng hòn trên; ngói đỏ lợp *nghe* lớp sau dè lớp trước ». Theo chứng-cứ cụ Vũ Văn-Lập viện dẫn thì tiêng *nghe* mới có từ bán-triều, nhưng lấy ý riêng và các điển-cô khác mà xét thì tiêng *nghe* không phải mới có, nhưng cũng không lâu lắm, có lẽ bắt đầu từ hồi Lê Trung-hưng; vì theo nhời cụ Lê Quý-Đôn, vào thời ấy, ai đậu Tiên-sĩ được đãi-ngộ long trọng lắm: « Từ bán-triều (là triều Lê) Trung-hưng đến giờ, ai đỗ Tiên-sĩ lại càng được sang-trọng lắm: nào được ban áo, ban mũ; vinh-qui về làng, cờ mở trông giống; nào các quan đốc thúc dân làng làm sẵn đài đệ cho ở; nào vào làm quan ở

Hàn-lâm-viện ngay, nếu có đi các tỉnh cũng không bao giờ phải làm chức phó, nhị v. v... » Theo thê ta có thể kết-luận rằng : *Nghè* tức là đình-thự công dân phải làm, như miếu, đền, v. v..., chỉ có ông Tiên-sĩ là được có nhà của dân làm cho mà các quan phải đồc thức, thê cho nên gọi là ông *Nghè*, nên phương ngôn hãy còn câu : « Chưa đỗ ông Nghè đã đe hàng tổng ».

Đền năm Quang-thuận thứ bảy (1466) mới nhất định cử ba năm một khoa : thi hương thì vào năm tí, ngọ, mao, dậu, mà thi hội thì vào năm sau là năm thìn, tuất, Sửu, mùi, lệ ấy là bắt chước lệ năm Gia-hựu (1056-1059) nhà Tống. Suốt đời Lê, phần nhiều theo lệ định năm Quang-thuận và Hồng-đức cả, từ hồi Lê trung-hưng về sau, tuy có thay đổi thêm bớt nhưng đại khái đều lấy lệ cũ nghĩa là lệ của vua Lê Thánh-tôn đặt ra làm chuẩn-đích. Mãi đến đời Lê Hiến-tôn, từ năm Cảnh-hưng thứ 11 (1750) trở đi, chánh lệnh ngày một suy đồi, cho phép ai có ba quan tiền nộp vào kho thì được miễn khảo hạch và cho vào thi sinh-đỗ, phép thi cũng ba kỳ thi, nhưng sau khi ra đầu bài cho phép mượn người làm, dù trùng kiền hay lạc đầu bài miễn là viết tốt và thông thì cũng cho đỗ, cho nên thời đó gọi là sinh-đỗ ba quan ; nhưng những người sinh-đỗ ba quan lại phải ba năm nữa mới được thi kỳ đệ tứ. Bởi vậy mấy khoa thi hương sau cùng cuối đời Lê thật nhùng lậm, nào người đi cày, kẻ bán thịt lợn, cho chí người, bán hàng dong, miễn là ai có tiền thì được đi thi ngày vào thi có khi người nọ xéo lên người kia đến chí mạng, thật đáng than phiền. Khi Tây-sơn đuổi chúa Trịnh cũng có mấy lần mở khoa thi ở Thanh và Nghệ : phép thi chỉ có 2 kỳ, kỳ đệ nhất chề-nghĩa ; kỳ đệ nhị văn-sách, ai đỗ gọi là Tuân-sĩ.

Từ Lê Trung-hưng cho đến Tây-sơn, ở Bắc-kỳ thì thê, còn ở trong Nam, lúc đức Gia-dụ Nguyễn-Hoàng mới vào trần-thủ Thuận-hóa thì chưa đặt khoa-cử gì, đến đức Hiền-chiêu Nguyễn phước-Lan (1635-1647) mới

đặt lệ sáu năm một lần thi lấy nhân-tài để dùng, gọi là khoa chính-đỗ, phép thi có ba kỳ: đệ nhất tứ-lục, đệ nhị thơ, phú; đệ tam văn-sách. Ai thi đỗ có chia làm ba hạng: một là Giám-sinh; hai là Sinh-đỗ; ba là Hoa-văn mà thi chỉ có ba ngày thôi. Đền đức Hiều-triệt Nguyễn Phước-Tân có đặt thêm ra khoa Thám-phóng, phép thi chỉ có một ngày, chuyên hỏi về tình-trạng quốc-dân cùng việc vua Lê chúa Trịnh. Đền Hiều-minh Nguyễn Phước-Chu đặt thêm ra lệ điện-thí bắt cả các quan cùng thi. Đó là các khoa thi của chúa Nguyễn đặt ra khi làm Trần-thủ Thuận-Quảng.

Sang đầu thập bát thế-kỷ, đức Cao-hoàng bản-triều là đức Gia-long bình xong Tây-sơn, gây thành cơ đồ thông nhất, thì trong mấy năm đầu, ngài cũng chưa kịp lưu tâm đến khoa cử, chỉ có lệ *huong cử cống sĩ* mà thôi, mãi đến năm thứ sáu (1807) mới đặt ra thi hương, phép thi cũng theo phép nhà Lê, ai đậu tam-trường gọi là Sinh-đỗ, đậu tứ-trường gọi là Hương-công. Từ Nghệ-an ra Bắc tất cả có sáu trường thi, cứ năm mao năm dậu thì có khoa thi, nghĩa là sáu năm một lần. Năm Minh-mạnh thứ hai là năm tân-tị (1821) mở ra ân-khoa thi hương, năm sau ân-khoa thi hội; về bản-triều, ân-khoa và hội-thí bắt đầu từ đây. Năm Minh-mạng thứ sáu (1825) mới nhất-định ba năm một khoa như lệ nhà Lê, đổi Hương-công gọi là Cử-nhân, đổi Sinh-đỗ gọi là Tú-tài, ai đậu cao là Cử-nhân, đậu thấp là Tú-tài; thi hội cũng chia ra chính bảng, phó bảng. Năm Tự-đức thứ tư, mở thêm khoa *Bác học hoàng tử* gọi là chê khoa, năm thứ 18 lại mở thêm khoa *nhĩ sĩ*, còn phép thi cũng có thay đổi nhiều. Bắt đầu từ năm Minh-mạng thứ 13, phép thi có ba kỳ: kỳ đệ nhất kinh-nghĩa; đệ nhị thơ, phú; đệ tam văn-sách; kỳ thứ tư gọi là phúc-hạch chỉ có một bài biểu. Khoa chê-khoa là một khoa đặc-biệt, từ học-trò cho đến ông Nghè cũng được dự thi, nhưng phải có quan địa-phương cử-tri; phép thi: kỳ đệ nhất 9 bài kinh nghĩa, ít ra

cũng phải làm 5 bài; kỳ đệ nhị một bài phú, một bài thơ ngũ-ngôn. một bài thơ thất-ngôn; kỳ đệ tam một bài chiêu, biểu, luận; kỳ đệ tứ một bài văn sách. Nhân thế hồi đó cũng có đổi lại cả phép thi hương làm bốn kỳ: nhất trường kinh-nghĩa; nhị trường văn sách; tam trường chiêu, biểu, luận; tứ trường thơ, phú, có trúng kỳ trước mới được vào kỳ sau, trúng tam trường là Tú-tải, trúng tứ trường phải vào thêm kỳ phúc-hạch làm một bài thơ ngũ-ngôn 6 vắn, khi đó gọi là Cử-nhân. Năm Tự-đức thứ 29 lại đổi lại phép thi: đệ nhất kinh-nghĩa, đệ nhị thơ, phú, đệ tam văn sách, kỳ phúc-hạch hoặc một bài chiêu hay một bài biểu, còn tứ lục để thi hội. Đến năm Kiên-phúc giáp-thân (1884) đổi lại lệ kỳ phúc-hạch phải vào thi cả ngày: một bài kinh-nghĩa, thơ, phú, văn-sách nghĩa là lược bị cả ba kỳ. Đến khoa kỷ-dậu năm Duy-tân thứ ba (1909) thì cách thi-cử lại đổi mới hẳn, bỏ hết thi phú và kinh nghĩa: đệ nhất năm đạo văn-sách; đệ nhị hai bài luận chữ nho; đệ tam hai bài luận quốc-văn; kỳ phúc-hạch có một bài luận chữ nho, một bài luận quốc-văn. Khoa sau là năm Duy-tân thứ sáu (1912) ở trường Hải-Nam lại chỉ có hai kỳ; đệ nhất 4 đạo văn sách; đệ nhị 3 bài luận quốc-văn. còn kỳ đệ tam một bài chữ tây, nhưng ai không muốn thi cũng được. Đến khoa sau là năm 1915 là khoa kết-cục ở Bắc-kỳ; phép thi cũng như khoa trước nhưng kỳ đệ tam ai cũng phải thi chữ tây. Khoa mậu-ngọ (1918) là khoa kết-cục thi hương ở cả nước Nam, nghĩa là khoa ấy chỉ còn thi ở Trung-kỳ thôi, phép thi cũng đổi: đệ nhất hai đạo văn sách, hai bài hoặc chiêu, dụ, sớ; đệ nhị một bài luận quốc-văn hai bài tính-đồ; một bài hỏi về Nam-sử, địa-dư; đệ tam một bài quốc văn dịch ra chữ Pháp.

Đó là các khoa thi văn ở nước ta từ đầu đến cuối. Đời Minh-mạng Tự-đức lại còn có lệ công-cử: năm Minh-mạnh thứ ba hạ lệnh mỗi năm mỗi huyện phải công vào kinh một người có văn học, đưa vào Quốc-

từ-giám khảo hạch rồi bỏ cho làm Giám-sinh, ai đỗ cũng được như các ông cử, được vào thi hội. Đền năm sau, chỉ mỗi phủ công một người mà phải 40 tuổi. Năm nào có thi-hương thì đình công. Đền năm Tự-đức thứ 2, định lại lệ công, cứ 3 năm một kỳ, khóa công vào năm dần, thân, ty, hội, những ông hạch đỗ ấy cũng gọi là ông cống.

* * *

PHÉP THI VÔ

Phép thi vô ở nước ta, như trên đã nói, có từ đời Lý, đời Trần, nhưng kỳ thực bắt đầu từ đời Lê Thái-tổ mới đặt thể-lệ thi mà mãi đến đời Bảo-thái (1720-1728) sau Lê Chung-hưng mới đặt hẳn ra khoa thi. Vua Lê Thái-tổ cho kén những người vũ-nghệ tinh-thông cho làm thị-vệ trong phủ; năm Thuận-thiên thứ hai (1429), bắt cả các quan văn, võ và quân-nhân khảo thí *võ-kinh* và pháp lệnh kỳ thư. Vua Lê Thái-tôn năm Thiệu-bình thứ tư bắt các tướng hiệu thi võ-nghệ, phép thi có ba thứ: 1) bắn cung; 2) bắn tên nỏ; 3) múa thuẫn. Đời Hồng-đức vua Thánh-tôn bắt con lớn các quan to, ai thích võ-nghệ phải tập bắn cung, bắn tên, múa mộc, cứ cuối năm thì thi, thi ba năm trúng thì được làm quan và có thưởng. Lê Chung-hưng chớ về sau, mỗi năm cũng có giảng tập võ-nghệ và khảo duyệt qua-loa. Mãi đến năm Bảo-thái (1720-1728) chúa Trịnh-cương bắt trước phép lệ nhà Đường, nhà Tống, đặt ra khoa thi võ, 3 năm một lần: thi vào năm tí, ngọ, mao, dậu, gọi là *Sở-cử*; thi vào năm thìn, tuất, sửu, mùi gọi là *Bác-cử*. Thi *sở-cử* ở trường giảng-võ là làng Giảng-võ ở gần Hanoi bây giờ. Kỳ đệ nhất có sáu câu hỏi qua về đại-nghĩa sách *Tôn-tử*; đệ nhị tập các võ nghệ, mỗi nghệ một bài: cưỡi ngựa, múa giao, bắn cung, vừa múa gươm vừa múa mộc, đánh gậy, múa giáo, múa gươm không, thi gan; kỳ đệ tam một bài văn sách hỏi về phương lược, một bài thơ Đường luật. Ai đậu trên gọi là *Cống-sĩ*, ai đậu thấp gọi là *Biển-sinh*

còn ai chỉ đậu 2 kỳ gọi là *Sinh-viên*. Thi Bác-cử tại trường thi mở ở Đồng-đa, tức là gần chùa Đồng-quang trước đền Trung-liệt ở Thái-hà-ấp bây giờ, chính chỗ ấy là nơi Nguyễn-Huê đánh thua quân Tôn Sĩ-Nghị nhà Mãn-Thanh, thấy chệt thành đồng, vui lập ngồn ngang cho nên có nghĩa-địa khâm từ ở đó; Kỳ đệ nhất hỏi mười câu nghĩa *Thất-thư*; kỳ đệ nhị thi về các tài nghệ, mỗi võ nghệ phải thi hai tao, cưỡi ngựa, múa gươm, bắn tên, đánh gậy, v. v. . .; kỳ đệ tam một bài văn sách hỏi về phương-lược thao luyện quân lính, đánh thành, giữ thành, bày trận. Ai đậu kỳ Bác-cử, gọi là *Tạo-sĩ*, cũng được ban áo, ban tiền, ăn yên cùng vinh qui. Đó là thế lệ năm Bảo-thái, đền năm Vĩnh-khánh (1729-1732) có sửa đổi lại phép thi; kỳ đệ nhất, theo lệ của Tàu, dương cung và múa đao, cung nặng 55 cân mà dương hết sức; đao nặng 30 cân phải múa theo các hoa; kỳ đệ nhị, múa giáo vừa lời Tàu vừa lời ta, bắn cung, múa kiếm, cưỡi ngựa, múa mộc, thi gan, v. v. . .; kỳ đệ tam làm một bài văn-sách. Ai trúng cả ba trường gọi là *Tạo-sĩ*, trúng nhị-trường cũng được tự dụng gọi là *Tạo-toát*.

Sang đền bản triều Nguyễn, thi võ cũng ba năm một khoa là các năm tí, ngọ, mao, dậu. Bắt đầu khai khoa từ năm Thiệu-trị thứ sáu (1846) đến năm sau định hẳn phép thi: đệ nhất, xách tạ (chữ gọi là cử trọng trước hết hai tay xách một quả tạ nặng 100 cân đi ngoài 30 trượng, thứ đến một tay xách một quả cũng nặng 100 cân. Ai xách như thế đi được ngoài 60 trượng là ưu hạng; xách tạ hai tay đi ngoài 10 trượng cùng xách một tay đi 30 trượng được là thứ hạng, ai kém thế thì hỏng. Kỳ đệ nhị múa côn và múa giáo; kỳ thủy múa côn sắt nặng 30 cân, múa được ba thảo thì được ưu, không được một thảo thì hỏng; thứ đến múa giáo đâm bổ đìn: cái giáo dài 7 thước, 7 tấc, một tay cầm giáo một tay cầm cái bình, cách bổ-đìn ba trượng, chạy lại đâm trúng thật mau thì đậu. Kỳ đệ tam, tập bắn súng, được bắn sáu phát, hễ tin bốn năm phát là ưu-hạng, không tin phát nào thì hỏng. Ai đậu cả ba

trường được vào phúc-hạch, lại phải bắn lại ba phát súng, ai tin hai phát mới được đậu. Ngoài các kỳ thi ấy ra, ai có từng hiểu các sách *võ kinh* cũng là trong mười tám thứ binh khí, số trường về thứ nào thì lúc nộp quyền thi phải khai trước vào quyền. Khi xong ba kỳ đem những thứ số-trường ấy ra thì để lấy đồ cao thấp. Ai thi đậu gọi là *võ-cử* được ban mũ áo cùng được ban yên. Năm Tự-đức thứ ba có đổi lại phép thi: trường đệ nhất xách tạ hai tay và múa côn sắt ba thảo; đệ nhị, múa còn gỗ và múa đao, đao nặng 8 cân, cũng phải ba thảo; đệ tam, bắn súng. ít ra sáu phát phải trúng hai mới được. Bỏ hẳn lệ sách tạ một tay và lệ thích dững, nghĩa là đâm bổ-dìn.

Ngoài lệ thi đó, năm Minh-mạng có cho chọn những con các quan võ học tập võ-nghệ ở nhà Anh-danh và Giáo-dưỡng. Về thi võ chúng tôi chỉ biết được đến thời đó mà thôi, còn đến bao giờ kết-cục và tại sao cùng tại ai mà kết-cục, xin để khảo sát sau. Nhân xin nói thêm, về bản triều tuy có mở thi võ, nhưng ở Bắc-kỳ riêng người tỉnh Đông là Hải-dương cùng tỉnh Bắc là Bắc-ninh, Bắc-giang, Vĩnh-yên, Phúc-yên thì không được thi võ, vì dân các tỉnh ấy hay lắm giặc sợ cho học võ giỏi lại khó lắm giặc.

* * *

Nguồn gốc các phép thi

Đó là đại-lược truyện thi cử, cả thi văn và thi võ ở nước ta, còn những khoa thi ấy tổ thuật tự đâu ra, chẳng nói ai cũng đã biết đại khái tổ-thuật ở chính-lệnh nước Tàu mà ra, nhưng nay ta hãy chịu khó xét thật kỹ. Nếu bây giờ chúng ta tường thuật lịch-sử khoa cử nước Tàu ra đây song rồi so-sánh với khoa cử ta, chính thể mới thật kỹ-càng, nhưng sợ dài quá, vậy xin lấy các việc cốt-yếu cùng so-sánh với nhau để ta cùng hiểu đại-lược mà thôi.

Về khoa thi văn thi vào hồi Lý, Trần phần nhiều bắt chước lời nhà Tùy nhà Đường cùng nhà Tống, đến đời Lê cùng bản triều thì theo thể-lệ nhà Minh cùng nhà Thanh. Khoa thi Tiên-sĩ có ở Tàu

từ đời Tùy Dương-đề mà ở ta thì có từ đời Trần Duệ-tôn. Khoa thi sinh-đỗ, hương công ở Tàu có từ đời Đường mà ở ta mãi đến đời Lê mới thấy có. Lệ thi một năm một lần thi, cách một năm một lần thi, sau ba năm mới có một lần, ở Tàu đã bắt đầu có từ sau năm Gia-hựu đời Tống (1056-1064) mà ở nước ta thì mãi đầu đời Lê mới thấy thi hành lệ ấy. Đời nhà Tống thi học-trò có ba kỳ, ở ta đời vua Lý Nhân-tôn cũng mở khoa thi có ba kỳ. Còn thi làm bốn kỳ, bắt đầu ở ta có từ đời Trần Thuận-tôn (1388-1398) là bắt chước phép nhà Nguyên. Năm trước thi hương, năm sau thi hội cũng do phép của nhà Nguyên. Nói tóm lại, mãi đến đời vua Lê Thái-tổ mới đặt ra ba năm một kỳ thi là bắt-chước phép nhà Minh. Đến như bản-triều thi cũng lại theo phép đặt sẵn về năm Hồng đức (1470-1497) mà chầm-chước thay đổi, nào phép thi, nào lời thi, thêm các điều-lệ của nhà Mãn Thanh. Cho đến khi kết-cục, đình bài khoa-cử cũng là bắt chước Tàu mà cũng là nhờ ở phong-trào Khang, Lương thì ta mới ra khỏi lối thi chương-cú ấy. Đến như thi võ của ta, như chúng tôi đã nói, cũng là tổ-thuật của Tàu. Thi võ ở Tàu có đã từ lâu, nhưng bắt đầu chỉnh-đôn mở ra khoa thi từ đời Võ-hậu nhà Đường, năm Trảng-an thứ 2, tức là năm Tự-thánh thứ 19, đời Đường Trung-tôn (702). Về sau đời Tống, đời Nguyên, đời Minh, đời Thanh cũng có thay đổi thêm bớt. Nhưng lối thi võ ở ta, từ đời Lê phần nhiều bắt-chước phép nhà Minh. Đại lược ở Tàu thi trọng võ kinh hơn võ nghệ mà võ-nghệ cũng không phải là gian lược. Trong các sách Tàu có chép đến võ cử-nhân và võ tiên-sĩ.

* * *

Các nơi trường-thi

Đó là đại-lược và nguồn-gốc, cùng sử-sự khoa-cử ở nước ta. Còn đến các trường thi, về thi hội và thi đình thì bất cứ đời nào, nước Tàu cũng như ở nước ta, tất là ở nơi đề-đô. Về đời Lý, Trần, Lê đóng đô ở Thăng-

long thi thi hội, thi đình tất ở Hà-nội bây giờ; về bán-triều đình đình ở Huế thi đại khoa cũng thi ở Huế. Còn đèn thi hương, như chúng tôi đã nói, là chọn lấy người vào thi đại khoa, nên phải có trường ở nhiều nơi. Thi hương mới có thể-lệ từ đời Lê Thánh-tôn nên cũng chỉ từ đó mới có đặt ra các trường. Những tỉnh to thì mỗi tỉnh có một trường các tỉnh nhỏ thì hai, ba tỉnh thì chung một trường; mỗi khoa trường thì lấy đồ nhiều, trường thì lấy đồ ít là tùy sĩ-sô từng nơi. Về đời Lê, cả nước ta tất cả có chín trường: Hải-dương, Sơn-nam, Tam-giang, Kinh-bắc, An-bang, và Tuyên-quang. Thanh-hóa, Nghệ-an và Thuận-hóa, Trường thi của ta về đời Lê thì mỗi khoa làm một lần, chỉ có nhà tranh và rào nửa. Bên phía ngoài cùng trường thi thì rào tre nửa thật kín, trong trường chia làm bốn lớp: lớp thứ nhất ở trong cùng là nơi các quan đồng-khảo phúc-khảo cùng giám-khảo ở; lớp giữa là nơi ở các quan đề-điều giám-thí cùng các quan dự vào việc thi; hai lớp ấy thì đều rào phen tre thật kín. Hai lớp ngoài là chỗ cho học-trò vào thi, lớp nọ cách lớp kia chỉ bằng cái rào nửa thưa, giữa có hai con đường thành hình chữ thập, có một cái nhà tre ở giữa để làm nơi thu quyền gọi là nhà *Thập-đạo*. Nhưng cách thức ấy không giống ở Tàu, cho nên trong sách *Sứ Giao kỷ sự* 便交紀事 của ông Chu Sán 周燦 làm khi sang sứ ta vào hồi Lê, có chép: «(Nước Nam) thi cử không có nhà cửa, (học-trò) ở trong lều tre, ngồi rạp xuống đất mà viết...». Về bán-triều khoa thi hương thứ nhất là khoa Đinh-mão năm Gia-long thứ sáu (1807), cả nước có sáu trường: 1) Nghệ-an, 2) Thanh-hóa họp thi cả học-trò Ninh-bình; 3) Kinh-bắc là Bắc-ninh, Bắc-giang bây giờ họp thi cả Thái-nguyên, Lạng-sơn, Cao-bắc; 4) Hải-dương họp thi cả Quảng-yên; 5) Sơn-tây họp thi cả Hoài-đức, Tuyên-quang và Hưng-hóa; 6) Sơn-nam họp thi cả Sơn nam thượng, hạ trường thi ở làng Hoa-dương, huyện Kim-động gọi là trường Hiền-nam. Đèn năm Gia-long thứ 12

khoa Quí-dậu đặt thêm trường Quảng-đức tức là trường Thừa-thiên sau này, hợp thi cả Gia-định, Quảng-trị, Quảng-bình, Quảng-nam, Quảng-ngãi, Bình-định, Phú-yên, Khánh-hòa ; và trường Thăng-long, tức là Hà-nội sau này, hợp cả Kinh-bắc, Sơn-tây, Hoài-đức, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Cao-bắc. Còn trường Sơn-nam thì Hải-dương, Quảng-yên hợp thi. Từ đó về sau, từ Nam ra Bắc thỉnh-thoảng lại có thay đổi, hoặc đặt thêm trường, hoặc đổi tên trường, hoặc tỉnh nọ đổi thi trường kia, nói ra đây sợ rườm-rã quá, chỉ xin nói về sự biến-thiên của trường Nam và trường Hà vì sau này cho đến mãi hồi kết cục, hai trường hợp một. Năm Gia-long thứ 18 là khoa kỷ-mão, trường Sơn-nam tức là trường Nam sau này hợp thi với tỉnh Hải-dương, Quảng-yên, di trường xuống đất Vị-hoàng gọi là trường Vị-hoàng. Năm Minh-mạng thứ 6 (1825) khoa ât-dậu là năm bắt đầu có tên cử-nhân và tú-tài về bản-triều, mới theo tên tỉnh mà gọi là trường Nam-định ; gọi là trường thi Nam-định là bắt đầu từ đây. Năm Minh-mạng thứ 12 khoa giáp-ngọ, chuẩn định ở Bắc-kỳ đặt hai trường : 1) Trường Hà-nội thi hợp thi cả các tỉnh Hà-nội, Sơn-tây, Bắc-ninh, Thanh-hóa, Ninh-bình, Cao-bắc, Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-sơn cộng là mười tỉnh ; còn Nam-định, Hải-dương, Hưng-yên, Quảng-yên thì thi ở trường Nam-định. Năm Kiên-phúc giáp-thân (1884) sáu khi có việc ở Bắc-kỳ, các trường thi chưa kịp sửa-sang nên cả trường Hà trường Nam hợp là một, mà phụ thi ở trường Thanh-hóa, chính khoa này cụ Thám Vũ Phạm-Hâm đỗ thủ khoa mà ta thường gọi là khoa Thanh. Ấy là trường Hà trường Nam hợp một nhưng chưa thi ở Nam-định ; đến án khoa năm Đồng-khánh bính-tuất, hợp trường Hà, Nam và Ninh bình là một mới lại thi ở Nam-định ; rồi sau nhân loạn lạc, khoa Đinh-hợi ở Bắc-kỳ lại hoãn, mãi đến năm Mậu-tí, trường Hà trường Nam hợp thi là một, từ đó về sau thành lệ cho đến khoa kết-cục. Đó là đầu đuôi trường thi

Nam. Tóm lại trường thi có ở đất Nam trước tiên là trường Vị-hoàng từ năm Gia-long thứ 18, đến năm Minh-mạng thứ 6 thì trường ở đất Nam mới gọi là trường Nam-định.

Cách xếp đặt trong trường thi

Cách xếp đặt ở nơi trường thi, sang bản triều Gia-long, Minh-mạng vẫn theo như thể-lệ triều Lê, mỗi khi đến khoa thi mới sửa-sang làm nhà tranh, rào nửa, thi xong lại phá bỏ đi. Đến năm Thiệu-trị thứ ba bắt đầu sửa-sang trường thi ở Thừa-thiên là trường Ninh-bắc làm ở trong thành để làm nơi thi hương cùng thi-hội thể chế rất chỉnh-đôn. Các nhà quan chánh, phó chủ khảo và chánh phó đề-điệu cùng nhà thập-đạo cộng là bảy tòa, mỗi tòa một gian hai chái; chín tòa mỗi tòa ba gian hai chái để cho các quan giám-khảo, sơ-khảo, thể-sát, mật-sát và lại-phòng ở ngoại-trường; thi viện đường công-sánh các quan đề-điệu cùng các lại-phòng nội-trường thi có ba tòa, mỗi tòa năm gian hai chái; hai tòa mỗi tòa sáu gian hai chái, để cho các quan sơ-khảo. Mỗi nhà đều có mở cửa ra phía sau và có các nhà phụ tùng. Các nơi cửa trường có giống hai cái cột. Chung quanh trường, chung quanh nhà quan đề-điệu chỗ nhà thập-đạo giáp bốn vì, nhà quan giám-khảo giáp nhà các quan sơ-phúc khảo đều có xây tường kín. Trong bốn vì làm bảy dãy nhà dài, mỗi dãy mười bảy gian, để cho học-trò, thi-hương thì mỗi gian bốn người, thi-hội thì hai ba gian một người. Các nhà đều lợp ngói cá. Đó là trường thi ở Huế làm năm Thiệu-trị thứ 3. Sau khi làm xong trường thi ở Huế, có chỉ bắt các trường Gia-định, Nghệ-an, Hà-nội, Nam-định cũng theo như mẫu ấy, duy chỉ có trong tám vì chỗ các học-trò làm bài thi không có nhà ngói, nhà lá gì cả.

Vậy trường thi ở Nam-định ở vào khu nào và làm từ bao giờ? Trường Nam làm từ năm Thiệu-trị thứ 5 (1845) ở

làng Năng-tĩnh, vòng quanh cả thấy 214 trường (53 thước rưỡi tây), nguyên có tường cao 5 thước ta, trong trường cả thấy có 21 tòa nhà lợp ngói để các quan ở.

Đại khái trường thi chia ra làm ba ngăn, ngăn trong cùng là nội-trường, giữa là ngoại-trường, ngoài cùng là nơi học-trò làm bài thi.

Nội-trường ở giữa có nhà giám viện là nhà để các quan nội-trường hội-đồng, hai bên có hai nhà quan phúc-khảo, sau hai nhà phúc-khảo mỗi bên có hai nhà quan sơ-khảo, sau nhà sơ-khảo có nhà quan giám-sát để coi các quan nội-trường.

Ngoại trường ở giữa có thí-viện là nhà các quan ngoại-trường hội-đồng, bên tả nhà quan chánh-khảo, bên hữu nhà quan phó-khảo, ngoài nhà các quan chánh phó khảo mỗi bên có một cái nhà quan chánh phân-khảo và phó phân-khảo. Sau nhà chánh-khảo và chánh phân-khảo có nhà quan giám-sát rồi nhà lại-phòng; sau nhà hai quan phó cũng có nhà lại-phòng. Trong ngăn ngoại-trường về phía giáp nội-trường lại có một ngăn xây kín bốn mặt là nơi các quan đề-tuyển giữ quyền thi và khắp phách. Ở giữa có dinh đề-tuyển sau có nhà lại-phòng, hai bên là nhà quan chánh đề-tuyển và phó đề-tuyển. Ngăn ngoài cùng là trường tñi, chia làm tám vi, có một con đường chữ thập ngăn cách tám vi, giữa đường chữ-thập có một cái nhà gọi là nhà Thập-đạo nghĩa là giữa con đường chữ-thập. Thẳng nhà thập-đạo ra đằng trước có một cửa gọi là cửa tiên, cửa này chỉ để riêng cho học-trò khi làm bài xong ở trong trường đi ra. Bên vi đằng trước gọi là vi giáp-nhất, giáp-nhì, â-t-nhất, â-t-nhì; bên vi đằng sau gọi là tá-nhất, tá-nhì, hữu-nhất, hữu-nhì. Mỗi vi có một cửa ra ngoài để cho học-trò vào và một cửa ở trong đi lên nhà Thập-đạo. Ở tám cửa cho học-trò vào, trước hôm thi mỗi cửa có treo bảng biên tên những người nào vào vi nào, học-trò vào xong thì các cửa ấy đóng lại. Trong trường có ba cái chòi; cái giữa cạnh nhà

Thập-đạo để các quan ngoại-trường ngồi coi học-trò làm bài; hai cái hai bên ở vào giữa con đường từ tả sang hữu tám vi, có quan ngự ngoại-trường và nội-trường để giám-sát cả quan trường và học-trò.

*
* *

Các quan trường và thí sinh

Các quan-trường nghĩa là tất cả các viên-chức ở trường thi, xin chia làm hai ban cho dễ hiểu.

A. — Một ban là các quan chỉ chuyên việc chấm quyền thi: có một quan chánh chủ-khảo, một quan phó chủ-khảo và các quan phân-khảo là quan ngoại-trường; hai quan giám-khảo, bốn quan phúc-khảo, tám quan sơ-khảo là quan nội-trường. Mỗi quyền thi do quan sơ-khảo chấm trước, đầu chấm son ta, rồi đến quan phúc-khảo đầu xanh, giám-khảo đầu hồng đơn, quan chánh phó-khảo chấm sau cùng để định được hay hỏng, chấm bằng đầu son tàu. Nếu quyền nào quan sơ, phúc, giám đánh hỏng thì đến phần quan phân-khảo xét lại và chấm; quyền nào đáng đỗ thì lại giao sang quan chánh, phó định.

Quan chánh phó và phân-khảo lại còn trông coi việc soạn quyền chia thẻ. Việc soạn quyền chia thẻ làm ở sở đề-diệu ở giữa ngoại-trường và nội-trường, bốn bề xây tường kín làm nơi đựng quyền, không quan chấm trường nào được đi lại chỗ đó, chỉ có trước ngày tiền trường năm sáu hôm, quan phân-khảo đến đây soạn quyền đề tên vào các thẻ gỗ, đem thẻ trộn đều lên rồi chia làm tám vi, tên nào vào vi nào viết lên bảng treo ở cửa vi, gọi là bảng cửa. Vào khoảng 10 giờ đêm trước hôm học-trò vào thi, tám quan trường đều bận đại-triều ngồi trên tám ghế treo ở tám cửa để đốc thúc lại-phòng soạn quyền xướng tên phát quyền cho học-trò vào thi. Quan chánh chủ-khảo ngồi cửa giáp-nhất quan phó cửa ât-nhất; hai quan giám-khảo giáp-nhì, ât-nhì, hai quan đề-tuyển tả-nhất, hữu-nhất; hai quan phân-khảo tả-nhì, hữu-nhì. Khi học-trò vào xong, các quan hội-đồng ở nhà Thập-đạo

để ra đầu bài, yết ở một cái bảng dựng trong từng vi về phía nhà Thập-đạo. Khi hết hạn, các học trò ở các vi đem nộp quyền ở nhà Thập-đạo rồi theo cửa tiến mà ra. Lại-phòng thu quyền đóng dấu bỏ vào hòm rồi giao cho các quan đề-tuyển coi việc rọc phách cùng chia quyền cho các quan đề-châm.

B. — Một ban là các quan trông nom việc thi: có hai quan đề-tuyển ở trong trường chuyên chủ việc rọc phách khắp phách, soạn từng hiệu phong lại. Việc này thật là nghiêm-mật, và hai viên quan ấy chỉ dùng người lại-diễn nghĩa là không đỡ gì. Khi quyền văn đưa đến, hai viên ấy đem đánh dấu rọc phách tên họ học-trò cất kín đi, chỉ đem quyền văn đưa chậm, khi chậm xong, các quan chậm thi lại giao lại hai viên đề-tuyển đem phách cũ mà đính lại. Hai viên đề-tuyển chỉ được biết ai đỡ, ai hóng chứ không có quyền cho ai đỡ, ai hóng. Một quan ngự-sứ ở nội-trường đốc suất bốn viên mật-sát đi khám xét công-việc ở nội trường. Một viên chương-ân ở ngoại-trường đốc suất tám viên thể-sát khám xét các công việc ở ngoại-trường. Những viên ấy tuy không được dự chậm quyền thi, nhưng mà hết thấy các công-việc ở trong trường, từ quan chánh chủ-khảo trở xuống ai có sự gì tình tiết không công hay trái phép thì quan chương-ân và ngự-sứ đều phải kể tội mà tâu về triều. Trong ngày thi việc canh-phòng trong trường giao cho tám người đội thể-sát dưới quyền quan ngự-sứ. Trong tám người đội ấy, bốn người chuyên giữ việc gian-lậu, coi cả quan-trường cùng học-trò, còn bốn người để giữ trật-tự. Các quan-trường có chừng bốn mươi người lại-phòng do các tước thuộc các tỉnh cắt ra để giúp đỡ, hoặc viết bảng, hoặc sao chép, v.v... Suốt cả các vụ thi quan đề-độc và Lân-binh tỉnh Nam phải đem lính điều quanh ngoài trường để canh-phòng.

Còn học-trò, ai cũng phải sắm-sıra đủ các đồ cần dùng, lều, chiếu, yếm, chõng và một cái tráp trong đựng đủ các thứ: bút, giấy, nghiên mực, dao, kéo, dùi,

cơm, nước và các vật-liệu dùng trong một ngày ; nhưng cần nhất là một cái ống gỗ đeo ở cổ để đựng quyền thi, gọi là ống quyền, và không được mang một tí giấy có chữ nào. Đêm hôm vào trường phải đủ các vật-liệu ấy, mà phải mang lây, đứng đợi ở cửa vi nào có tên mình. Khi xướng đến tên, dạ to mà vào lĩnh quyền bỏ ống rồi vào trường đóng lều đợi khi có trống hiệu có đầu bài, ra chép về mà làm. Những quyền mình lĩnh đó là quyền đã nộp ở các quan đốc-học các tỉnh sau khi đồ hạch ; các quan đốc đệ vào trường đóng đầu rồi mới phát cho. Lĩnh quyền xong, đội thẻ-sắt sai lính lục soát khám xét kỹ càng rồi mới cho vào trong vi. Người học-trò nào mang sách vở hay văn cũ thì phải đuổi ra ngay, người ấy cả đời không được đi thi nữa, lại đem giá-hiệu ba ngày. Còn học-trò vào trong trường, chính lệ ra phải đóng lều cho nghiêm-chính, sao đầu bài mà làm văn, không được đi lại hỏi nhau, người nào trái phép thì đuổi ra. Cho nên có khi cha con anh em cùng một nhà mà mỗi người ở một vi, không được gặp nhau.

Hết kỳ thứ nhất, thứ hai đến kỳ thứ ba, quyền nào có phê, thời các quan đề-tuyển, soạn đem những quyền kỳ thứ nhất, thứ hai cùng thứ ba của từng tên, đóng thành một tập ; thông tính ba kỳ giỏi cá, đem kê quyền ấy tên họ là gì, tư trình quan ngoại-trường, chiếu tên ra bảng phúc hạch. Ai được vào phúc-hạch, trước một hôm phải đóng quyền cách thức cũng như quyền thi rồi đem nộp cùng với lều chiếu ở nhà thập-đạo. Quan trường sai lính thu lây đem chia đóng ở tám vi. Xét mỗi tên viết vào một cái biển cột đóng ở trước lều, mỗi lều cách nhau chừng 20 thước tây để không hỏi nhau được. Sáng sớm ngày phúc hạch, các tú sĩ đều chực ở cửa trường đợi xướng tên rồi lĩnh quyền. Quan trường sai lính đưa từng người vào vi, nhận lây tên mà ngồi yên trong lều làm văn vì mỗi lều đã có một bản đầu bài để sẵn. Khi phúc-hạch không ai được ra khỏi lều, nếu ai trái phép thì phải đuổi ra ngay. Làm

xong bài đem chằm, ai giỏi thì để vào hạng cử-nhân, ai trung-bình vào hạng Tú-tài còn ai kém thì hóng hẩn. Hạng cử-nhân lệ có xướng danh treo bảng, vua ban cấp cho mũ áo và giấy văn hải, đèn sáng ngày hôm sau theo các quan trường và quan tỉnh đèn vọng cung lay tạ rồi lĩnh cổ yên. Bảng cú-nhân thì bằng gỗ đằng sau bảng có vẽ hình con hổ, còn bảng tú-tài thì làm bằng phen tre mà không có xướng danh.

Việc trường xong rồi, các quan trường soạn những quyển đồ và những quyển được vào kỳ thứ ba đóng cả vào hòm đệ về kinh, giao cho bộ Lễ hội-đồng tam nha là bộ Lễ, Nội-các và Khoa-đạo để xét lại tâu vua y cho. Trong những quyển đồ nhớ ra có ai phạm trường qui, phạm húy, viết nhầm lẫn hay văn kém còn phải đánh hóng; còn những quyển quan trường trót đánh hóng nhưng văn giỏi thì có khi lại lấy đồ. Các ông cử thì đèn thắp giềng năm sau phải về kinh thi hội, vì có khi vào thi hội, nhớ ra văn kém quá thì mất cả cử-nhân.

Đó là cuộc thi hương trường Nam từ lúc vào thi cho đến lúc đỗ cử-nhân, còn phải thê nào mới được vào thi cùng cách học từ thuở bé những thê nào mới đủ tư-cách đi thi, xin kể qua sau đây.

Trước năm có khoa thi, ở các tỉnh có một kỳ thi gọi là hạch để chọn học-trò cho đi thi. Ai tỉnh nguyện xin thi phải do lý-trưởng sở-tại khai rõ họ, tên, tuổi, quê-quán và vẫn là người lương-thiện không can án bao giờ mới được nộp quyển hạch, gọi là loại-khai. Trên quyển hạch cũng đã phải theo như cách thức quyển thi, ngoài tên tuổi quê-quán ra lại phải khai rõ học-trò ai, gòc-tích mình từ-ba đời cụ, ông và bà làm nghề gì, chức gì, còn hay mất. Các quan huân, giáo các phủ, huyện phải xét hạch xem ai học thông thì làm danh-sách đệ lên tỉnh, quan tỉnh hội-đồng học-nha xét lại xem ai khá có thể thi đỗ được thì đệ danh-sách vào bộ Lễ để biết rõ số học-trò là bao nhiêu mà cử

quan chàm trường. Thê gọi là đi hạch, ai đỗ hạch có giấy sức về làng; đem quyển thi đề phân mình nộp tại quan đốc, mỗi người phải nộp cả quyển ba kỳ, thu xong, gần đến ngày thi các quan đốc đóng hòm đệ xuống Nam nộp các quan trường để phát cho học-trò.

* * *

Cách rèn tập lấy học-trò đi thi

Việc đào-chú lấy được một người học-trò đi thi Nam không phải giản-dị mà chính đó là nền-tảng việc giáo-dục của ta khi xưa. Trẻ con lên sáu, bảy tuổi bắt đầu vỡ lòng cho đi học, tạm gọi là tiểu-học, học sách *Tam tự kinh*, *Tứ tự kinh* rồi đến *Ngũ-ngôn*, *Thất-ngôn* là cốt lấy câu ngắn có vần cho dễ nhớ, dễ học thuộc lòng còn sự hiểu để cho tự-nhiên. Tập viết, trước còn viết ván, dùng bút tre viết lên nét chữ khắc vào ván gỗ, khi đã quen tay biệt cầm bút, tập viết đề lên chữ son; rồi đến tập viết phóng; viết buông là viết một mình theo mẫu mà viết ra. Tập làm văn bắt đầu tập làm câu đối, trước còn hai chữ rồi ba chữ, cùng học chia vần bằng vần trắc. Ngoài ra lại học những điều hiều với cha mẹ, thuận với anh em, trung với vua, tin cùng bạn và học điều ăn nói kính nhường cùng sự phải sự trái. Đến khi nhớn lên chừng trong ngoài 10 tuổi thì bắt đầu học từ-thư: *Luyện-ngữ*, *Mạnh-tử*, *Đạ-học*, *Trung-dụng*; ngũ-kinh: *Thi*, *Thư*, *Lễ*, *Xuân-thu*, *Dịch* và các sách sử: *Sử Tàu*, từ sự-tích ông Bàn-cổ trải qua đời Hạ, Thương, Châu, Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh; sử Nam: từ sự-tích họ Hồng-bàng trải qua nhà Thục, Triệu, Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê. Khi đó tập làm câu đối 7 chữ gọi là câu đối thơ; từ 8 chữ trở lên gọi là câu đối phú, tập làm thơ làm phú ít vần, làm kinh-nghĩa dễ dễ, làm bài đoạn là bài văn-sách nhỏ để dần dần tập làm bài dài. Đến khi học đã thông hiểu nghĩa sách, bắt đầu tập làm cả bài kinh-nghĩa, cả bài thơ, bài phú cùng chiêu, biểu luận và văn-sách. Khi đã biết làm đủ lời văn gọi là cụ-thể; ai học đã khá thì ngoài các kinh, truyện, sử như đã nói

trên lại phải học cả các sách *Chư tử* là sách của các nhà Triết-học bên Tàu về đời Xuân-thu, Chiên-quốc và Hán, Đường, Tông cho đến nhà Minh, nhà Thanh, để học về triết-lý, thiên-văn, mưu-lược, võ-nghệ và những sự khuyên vua trị dân, giáo-dục đàn em trẻ.

Các trường học-thi phân nhiều là các trường tư ở làng và ở nhà. Nhà nước không đặt trường dạy từ trẻ con, thế cho nên những người học được phần nhiều lại con cháu những nhà có người biết chữ cùng thi đỗ; thành ra có những câu sáo ngữ bây giờ ta còn nghe thấy: nhà có đất học, làm quan có giống, kẻ cả có dòng cùng chữ thê-gia thê-nghiệp, v. v... Nhà nước cũng có mở trường ở các tỉnh, phủ, huyện, đặt ra các quan đốc-học, huân-đạo và giáo-thụ để dạy bảo học-trò, đào luyện nhân-tài, nhưng chỉ những người nào học đã thông hiểu hay giỏi rồi thì mới lên học tập ở tỉnh cùng ở phủ, huyện.

Về cách khuyên-miễn học-trò, từ trước hồi Tự-đức, mỗi năm cứ tháng tư, tháng mười, quan đốc-học hội-đồng các quan huân, giáo trong hạt ở tỉnh để xét thi các học-trò trong tỉnh gọi là khảo khóa. Thi khảo khóa đầu bài ra đủ cả các bài ba trường như thi Nam nhưng mỗi bài một ít cùng dễ dàng, ai đỗ khảo khóa gọi là khóa-sinh. Khóa-sinh tùy đỗ cao thấp mà được miễn trừ sưu thuế, phu dịch, lính tráng trong một năm. Vào hồi Tự-đức, nhất-định mỗi năm về tháng tư thì khảo khóa, bất cứ ai đỗ là được trừ sưu dịch; đến tháng một lại có một kỳ khảo, lần cả tú-tài và học-trò để xem học-lực của học-trò trong một năm tiên-ích thế nào cho nên có gọi là khảo tiên-ích, kỳ khảo này không được kể vào lệ miễn trừ sưu dịch.

Đó là sự dưỡng-dục tinh thần dân Việt-nam ta từ xưa đến năm 1906 là năm Thành-thái thứ 18, là khoa thi Bính-ngọ kết cục lời từ chương thi phú ở Bắc-kỳ trở về trước. Từ năm 1906 trở về sau, nước Pháp bảo-hộ, thầy dân ta mơ-màng trong cuộc văn-chương viễn-vông, thương lượng cùng Nam-triều, đặt ban hội-

đồng học quy, biên đối phép học, phép thi, bỏ hẳn thơ, phú, kinh-nghĩa đem tân học, tân tư-tưởng. Thái-tây truyền thụ cho ta. Đạo tân nghị năm 1906 gồm có 6 điều, 67 khoản. Về phép học chia làm ba bậc: âu học tiểu-học và trung học, về phép thi vẫn theo hình-thức cũ mà tinh-thần có đổi, nghĩa là vẫn tú-tài, cử-nhân, tiền-sĩ nhưng cách thi ngoài chữ Hán là gò ra có thêm chữ quốc-ngữ và chữ Pháp. Điều thứ nhất nói về phép dạy ở ban âu-học, các trường ở làng, ở tổng và thi tuyển-sinh; điều thứ hai nói về phép dạy ở ban Tiểu-học: các trường quan giáo, quan huân ở phủ, huyện và trường quy-thức ở tỉnh-lỵ cùng thi khóa-sinh; điều thứ ba về trung-học: các trường quan đốc ở tỉnh lựa chọn học-trò đi thi Nam; điều thứ tư về phép thi hương; điều thứ năm về phép thi hội, thi đình; điều thứ sáu nói qua đên trường Pháp-Việt phải dạy thêm Hán-tự. Đại khái cách học cũng vẫn lấy chữ Hán làm gò, học thêm qua-loa về cách-trí, địa-dư, toán-pháp, v. v... bằng quốc-ngữ và qua-loa một ít chữ tây đủ dịch một bài dán-dị và đủ nói dăm ba câu tiếng tây. Tức là các trường hương-sư, tổng-sư cùng các trường quy-thức mà ta còn pháng phất vậy. Đên năm 1907 có hội-nghị về việc học hợp ở Nam-kỳ và đặt ra bộ Học ở triều-đình Huế để trông nom riêng về việc học (xem sách *Đại-Nam điển-lệ toát yếu tân biên* 大南典例撮要新編 Lễ lệ 禮例, tờ 28-41 cùng *Hoàng Việt giáp tí niên biểu*, tờ 219).



Quan-niệm về khoa-cử

Đó là sứ-sự và hình - thức khoa cử, trường thi cùng sự dưỡng - dục nhân tài trong phạm - vi trường thi Nam, nghĩa là trong phạm-vi sứ-học; còn đên việc giáo-dục quốc-dân từ sau khi bãi bỏ trường Nam thì chưa vào trong vòng sứ-học xin để phân các nhà am-hiệu thời-cục phân-trấn biện-bạch thì mới được rõ-ràng và xác-đáng. Khi đã nói qua cả các

vấn-đề thuộc về trường Nam rổi, đáng lẽ phải bản tiếp đèn tinh-thần cùng công-hiệu của khoa-cử thì mới có bổ-ích cho sự học; nhưng bản đèn tinh thần thì cần phải đem những vấn-chương từng thời đại còn lại ra giải-thích, kể rõ bài nào hay, bài nào dở, phán-đoán phân-minh xem hiệu-quả sự học thế nào, thì mới có thể kết luận một cách đích-sắc thiết-thực được. Tiếc vì phạm-vi rộng quá, xin để làm một vấn-đề riêng, chúng ta cùng khảo-sát về sau này. Bây giờ hãy xin cứ theo phương-diện hình-thức, cứ những việc mắt thấy, tai nghe được mà xét qua-loa xem vấn-đề khoa-cử đối với quốc dân khi xưa thế nào, đối với quốc dân hiện-thời ra sao?

Bây giờ ta ngồi đây cùng nhau đem những truyện từ mây trăm năm về trước mà xoi mói ra thì có thể nói sao hay vậy, giá cổ-nhân ở cửu nguyên có nghe thấy, cũng chỉ mỉm cười không thêm cãi lại mà cả chúng ta có lẽ là bọn « Tịch đàm vọng tổ » 籍談忘祖 nghĩa là, « họ Tịch khi nói chuyện quên cả gốc-tích tổ-tiên ». Thế cho nên, chúng tôi xin chấp-nhận những điều thiện kiện trong các sách của cổ-nhân, lược thuật ra đây để xem qua-loa các cụ ta đối với khoa-cử thế nào.

Khoa cử để chọn lọc nhân tài, vẫn đã đánh rằng có công mài sắt có ngày nên kim, ai có tài mà lại có học để đoán luyện cái tài ấy thì thế nào cũng đỗ, cũng thụ dụng, ích quốc lợi dân; nhưng học tài thi phận, ăn nhau về hôn dật. Các cụ ta phần nhiều yên trí những người đỗ không cứ phải học thật giỏi, một là có phận, hai là vì có dật. Có cụ nói « khu bắc-cực ở cung tử-vi có sao văn-xương để trọng nom việc thi cử (ở hạ giới) 北極紫微文昌星管天下之文章科第 ». (Sách khoa bảng lục, bài tự thứ hai, tờ 1). Thế cho nên, trước khi đi thi, nào lễ kỳ khoa, nào đi tạ mộ, nào xin mộng, nào phụ tiên. Về đời Tống, ông Vương An-Thạch đã hết sức biện thuyết, cho là việc học, việc thi không có quan hệ gì đến các tinh tú; thế mà vẫn không ai chịu nghe. Vậy ta hãy xem qua một

vài truyện cổ trong các sách thi đủ rõ.

Ông Lương Thê-Vinh, người làng Cao-hương, huyện Thiên-bản tức Vụ-bản bây giờ, đỗ Trạng-nguyên đời Lê. Nguyên đức Quang-thục thái-hậu sinh ra vua Lê Thánh-tôn, trước khi sinh ngài, đã nằm mộng thấy đi đền thiên-cung, Thượng-dê cho ngài một vị tiên-đồng làm con lại cho một vị tiên nữa để giúp việc. Sau ngài có mang, sinh ra vua Lê Thánh-tôn. Đền khi vua Thánh-tôn đã làm vua, Thái-hậu coi các người vào thi, có ông Lương Thê-Vinh mặt mũi giống như người trong mộng. Ngài liền tâu vua nhất-định cho đỗ Trạng-nguyên. Vậy ông Trạng Vinh là người nhà trời, đức Thái-hậu đã biết từ lúc chưa sinh ông ấy, thề nào cũng có ông trạng Vinh giúp vua Lê (*Khoa bảng tiêu kỳ*, quyển 2, tờ 10).

Ông Trạng Đặng Công-Chật cũng tự biết thề nào mình cũng đỗ Trạng từ lúc còn hàn-vi đi trọ học. Ông người làng Phù - đồng. Lúc chưa đỗ, đi trọ học một mình. Một hôm dậy sớm trông thấy người đàn-bà láng giềng phơi hai cái áo ở sân, lúc đi khỏi, có một người đàn-bà khác ở cùng nhà lấy trộm mất. Đền tội hai người cãi-cọ không chịu nhau, sấm gả xoi đền thề ở đền thờ đức Thiên-vương. Ông Đặng Công-chật thấy thề, lấy bút biên lấy, vài tháng sau người đàn-bà ăn cắp vẫn như thường, ông cười mà tự bảo «đức thiêng của quí thần, ta đã biết rồi!» Thần bèn gõ cửa kêu rằng: «Ông Trạng ơi, ông Trạng ơi, về sau ông làm quan thì ông có thể vì hai cái áo mà giết chết một mạng người được không?...». Từ đó ông yên trí thề nào mình cũng đỗ Trạng, vì đã có thiên-thần báo trước (*Tang thương ngẫu lục*, quyển 2, tờ 20).

Đền như vì đất mà đỗ, thì ngay như truyện ông Nguyễn Công-Chật và ông Giáp-Hải cũng rất lạ và hay, có thể chứng thực được lòng tin của cổ-nhân. Ông Nguyễn Công-Chật người làng Nguyệt-viên, huyện Hoằng-hóa, tỉnh Thanh-hóa, ông thi hương đỗ từ lúc còn trẻ, nhưng bỏ học lâu ngày không nghĩ gì đến thi cử cả.

Cùng trong vùng ấy lại có một ông Công khác học giỏi hay chữ, chắc thế nào mình cũng đỗ đại khoa. Một hôm có một ông cụ, — chắc lại ông tiên — đi xem đất, đến nhà ông học giỏi, bảo rằng, tôi có một ngôi đất phát đỗ tiên-sĩ khoa này, tôi định cho ông; nhưng ông học giỏi trả lời: tôi đỗ là học lực của tôi, không cần đất cát. Cụ già đi đến nhà ông không học là ông Chặt, bảo cho đất và cất mộ cho. Cất mộ xong bắt dốt hết cả sách đi. Khi vào thi, ông không học đến nỗi không làm nổi bài: nhất trường, nhị trường, tam trường đều xin bài anh em cùng trọ; nhưng may cũng được vào. Đến kỳ cuối cùng tự ông lấy làm chán-nản, được vào mà lo, nên trước ngày vào thi, anh em cùng trọ, hoặc đi chơi phỏ, hoặc đi sắm bút giấy mà ông thì nằm nghỉ ở trọ, chợt ngủ quên đi, mơ màng thấy thần báo mộng, khi vào trường nên mang một ít gừng. Hôm vào trường, giờ mưa rét, có đầu bài mà ông không biết những gì, làm thế nào. Thông thả đi đun nước uống cho ấm bụng đã. Gần tới chiều, vắng nghe thầy có người rên-rĩ ở gần lều mình, thành ra có một ông Công đau bụng lạ thường, mà ông Công ấy chính là ông học giỏi hay chữ, không thèm xin đất. Ông Nguyễn Công-Chặt mang cho một chén nước gừng, ông đau bụng uống xong thấy đỡ, nhưng mệt lắm, đem quyển mình đã viết xong nhưng chưa đề tên, đưa tạ ơn ông Chặt và nhờ công ra khỏi trường. Khi về tới nhà thì ông đau bụng chết, còn ông Chặt vẫn quán trường đỗ đại khoa (*Tang thương ngẫu lục*, quyển 2, tờ 53).

Truyện ông Giáp-Hải nghe ra cũng kỳ-khôi lắm. Bà sinh ra ông, người làng Công-luận, huyện Văn-giang, ngoại bốn chục chưa có chồng mà nghèo, ngồi bán hàng nước ở vệ sông. Một hôm có một người khách về Tàu, đi qua vào uống nước, bỏ quên túi vàng, khi trở lại tìm, bà hàng gọi đưa trả. Không ngờ người Tàu, lại là địa-lý chính tòn, đến ơn bà một ngôi cát địa. Sau bà lấy chồng người làng Bát-tràng, sinh ông Giáp-Hải, lên bốn tuổi

ông Giáp-Hải bị người phú thương họ Giáp bắt mất, đem về cho đi học. Năm Đại-chính (1530-1533) đời Mạc ông đỗ Trạng-nguyên. Sau vì một nốt ruồi, ông lại tìm được mộ (*khoa bảng tiêu kỳ*, quyển 5, tờ 35).

Ông Nguyễn-công Bật, người làng Khang-cù, huyện Nam-chân, xứ Sơn-nam hạ, đỗ tiến-sĩ khoa khánh-đức nhâm-thìn (1652), đời Lê Thần-tôn. Nguyên mảy đời trước nhà ông nghèo lắm. Khi ông tổ nhà ông mất, không có tiền thuê người tông táng, mảy người láng giềng vì nghĩa đền chôn giúp hộ. Khi đưa ra đền đồng, gặp trời mưa bão, không đào huyết được. Các ông láng giềng ký tạm thi hài vào vũng trâu đầm, lấy cỏ tạm phủ qua lên. Sáng hôm sau, người nhà ra đắp lại, thì thấy mồ đã dùn đất phủ kín. Ngồi mộ ấy ngày một to lên, ai cũng cho là thiên-táng. Tương truyền sáu ông Nguyễn-công Bật được đỗ, là nhờ ở ngôi mộ thiên-táng ấy (*Đăng khoa lục sưu giảng*, tờ 39-40).

Những truyện như thế, và còn nhiều truyện ta không thể tường tới được, thấy đầy dẫy trong các *dã-sử*, *thiện thư*. Đó là chính các nhà trong khoa-cử đời với khoa-cử, còn về quốc-dân hình như lại sốt-sắng hơn, nhất là các bà, các cô. Có bà vì tức khí với chị em, cũng chỉ vì tiếng Nghè tiếng Công mà bán cả trâu cả ruộng, bắt chồng đi học, đưa chồng vào nhập môn võ lòng ở đại-trường, không quản công-lao, không nề khó-nhọc, còn ăn hết nhịn, miễn là ông chồng được chút danh phận, góp mặt khoa-bảng là được vinh dự. Từ người trẻ đến người già, từ kẻ chợ đến nhà quê, đâu đâu cũng thế, ai ai cũng vậy, một lòng sốt-sắng về khoa danh, thậm chí có câu: « Nhà nào có người hổng thi, không khác gì có người chết ». Chúng ta muốn hiểu rõ-ràng hơn cái tâm-lý mọi người đời với khoa-cử thì không gì bằng đọc qua lại một vài bài phú về cảnh hổng thi. Bài phú hổng thi của ông Tú Xương mà ta vẫn truyền tụng, in trong các sách giáo khoa, cũng đã là hay, nhưng ông chỉ tả riêng thân thế ông, sự cay-có oán vọng riêng của ông đời với khoa-cử.

Chúng tôi có chép được một vài bài khác, tả rõ cảnh chung của mọi người hổng thi, từ điệu đã hay, phô tá thiết-thực, tiếc vì không biết đích-xác của ai, nhưng đọc lên ta có thể biết là bài làm về hoi Thiệu-trị, Tự-đức.

* * *

MẤY BÀI VĂN-CỔ NÓI VỀ KHOA-CỬ

I

Lạc đệ tự chào phú .Vô-danh) (1)

Khoa mục đường xưa. — Văn-chương thề mới. Năm mây, lời Thiên-tử rõ-ràng ; Bốn bề bụng trạng-nguyên phấp-phới.

Lều chiêu là thang vồng-lọng ; tranh leo giật giải có ai nhường ? — Trưởng - thiềm là cửa cân-đai, rảo bước mau chân không kẻ dơi.

Công-danh gặp hội, đường thanh-vân sẵn bước toan trèo ;
— Phú-quí nức lòng, cảnh đan-quế giờ tay quyết với.

Tắc gang chục vin rồng, tựa phượng ; mượn phấn vua giả nợ bút nghiên xưa. Đêm ngày chăm mài sắt nên kim ; nhờ đạo thánh, đèn công đèn sách lại

Cửa hiền rộng mở ; một nền Cực-viện, có quả có hoa. — Trận bút tranh đua ; ba đợt Vũ-môn lẫn trê lẫn chuối.

Có một người : mặt mũi khôi-ngô. — Râu mày nhẵn-nhụi.

Biếng học siêng ngủ ; sách vở mấp mờ. — Non tập giả chơi ; văn-chương xốc nổi.

Đến khoa thi nửa sợ nửa mừng ; — Tính nhân-sự một may một rủi.

Mừng mặt đủ buồng cau, bánh thuốc ; đồ vào trường rất mực phong lưu. — Theo chân nhiều thầy tớ, học trò, chốn tạm trọ, tìm nơi rộng rãi.

(1) Ba bài phú này trích ở trong sách *Phú nôm*. Tập dưới của ông Vũ-khắc-Tiếp biên tập, Hanoi, Vĩnh hưng long thư quán xuất bản, 1931. bài số 25, 26, 27, chứa qua những chữ in nhảm.

Chứng hay ngủ, sửa-sang sắp sẵn lều một vác, chiếu một ôm. — Đồ phụng thân mang xách nặng nề, nước -đầy bầu, trầu đầy túi.

Thuốc bách tính dóm diêm điều ống; thông mồi này đặt mồi khác; vắn được như thuốc, ắt hẳn hơi dài. — Chả ba-họ, cơm nắm, ruốc bông, ăn một miếng nghĩ một câu; vắn được như cơm, can gì ý nổi.

Vắn làm, đặc như bí, dai như đĩa dò lều này sang lều khác, vì nhất vì nhì. — Sách quên, tối như bủ, mờ như đêm; nghe câu được với câu chẳng, viết chày viết cối.

Đệ nhất trường làm bài tình-ngĩa; lần theo tám vẽ rõ-ràng. — Hai trăm chữ điền đủ tân-qui; lòng-tiệm hai tờ ngắn-ngủi.

Phú chẳng biết rằng Tàu rằng Mán theo anh em: tắc kiến, ý-phủ. — Sách gọi là có cổ có kim; đủ lẽ-lối sĩ-văn, cần-đối.

Đóng lều kín mít, nhất định ngồi dai. — Xe sáp thẳng gang, cổ tình viết tối.

Những ế ốc chữa mang mình ốc nổi; lại ra sự giắt tay trẻ xuống giếng, chập chảnh làm gà. — Toàn kéo co giả nợ tổ tôm thua; khéo rờ tường đơm đó cá ngọn tre, kiếm ăn như rái.

Lúc nộp quyền, hòm vừa đóng khóa; van lại-phòng, tiếng nhỏ tiếng to — Khi ra trường, giờ đã quá canh; gọi dây tờ ấm a ấm ới.

Buồng nhà trọ, lúc thở dài vuốt bụng; những mừng thầm quyền ấy đủ là may. — Ghế cô hàng khi vất tréo rung đùi lại khoe gương kỳ này nghe cũng lợi.

Lúc hẹp dạ, bàn giấy bàn mỏng; nhờ lượng quan trường phê rộng bút, cuối bảng không từ. — Khi cả gan nghĩ quân nghĩ quanh họa may trong quyền có câu thần, thủ khoa cũng phải.

Đến khi: Ghế tréo rần dù xanh. — Bành voi giờ ống gọi. Số cử nhân xướng đã hết tên; — dòng niên-hiệu đọc vừa đến cuối.

Thầy đồ nọ, nét mặt tế lễ ngoại; áo quàng vai đi tất ta

tất trời. — Bác tú kia, đầu gối tranh trường-nam ; nón cặp nách chạy hốt hơ hốt hởi.

Nào những lúc ra trường đoạn : xanh xang hàng phố, giầy kéo lê, quần buồng chấm gót, dăng phết thay lốt bộ cử-nhân. — Nào những khi xướng-danh rồi ; lủi-thủi cửa trường, khăn bỏ giọt, áo dài giắt lưng ; lơ-láo những ra hình chú lái.

Nghĩ đến một tháng tròn phí tổn ; đã làm hại cho con mẹ, con kim. — Nhớ đến ba đời trước cũng khai ; lại lay-lắt đến ông bà ông vải.

Ngơ ngác ! lúc quắp râu về trọ : đầy tớ lừ-dừ, mù hàng ánh-ôi, lẳng tai nghe gà gáy đề tìm lui. — Buồn tênh ! khi vác mặt về nhà, trẻ thơ nhặt nhèo, mẹ nó thờ-ơ, vầy đuôi thấy chó mừng, càng thêm tủi.

Nghĩ cũng đi cho khỏi cáo ; tiền tai mua lấy cái trò chơi. — Ai ngờ về lại hoàn mèo ; mèo lần liệu đường mà nói giỏi.

May phút chốc : Thôi kiêu chưa được hẳn ; như dưa mới đầu, như cau mới héo, ngại-ngùng những thẹn với râu mày ; — Đáng kiếp thay : mùi chám bớt từ đây ; lấy nóng mà dè lấy rõ mà che, ngo-ngáo chẳng còn ra mặt mũi.

Thôi thì thôi ! Canh bạc bằng chân, chuyển buồn không lại.

Cùng, thông cuộc thế khéo hay sao ? — Phong, sắc lòng giới đừng vội hỏi.

Hồng khoa này chờ khoa khác ; thép hùng văn đúc lại mới nên già. — Qua một sự, sinh một điều, đường thế cổ trải lâu thì mới sỏi.

Sổ phạn chờ bản sớm muộn ; có học, có thi, có đỗ ; có đọc ngang cho phỉ chí mới cam. — Quân-ân nào hạn trước sau ; còn trời còn nước, còn non, còn vinh-hiến với thế-gian được mỗi.

Dẫu kẻ gọi ngựa kêu trâu cũng mặc ; cái hay cái dở không cùng. — Rày ta lấy mai với hạnh mà suy ; nở trước nở sau có hội.

Hề nho-giả suy cho cùng lý ; trời đã hậu người tai mắt ấy, chữ « sinh tài hữu dụng », hẳn không lo. — Mà năm-nhi thì phải tự-cường, giới không phụ kẻ sách đèn nào, râu « hữu chí cánh thành » xin chó vội.

Nay nhân : ngồi đó cũng buồn,— Ruột càng thêm rối.

Trách phận đã no trách phận ; nôm na mượn bút làm vui. — Cười mình đâu giám cười ai ; chấp chảnh mấy nhời tự hời.

*
*
*

II

Hồng thi (Vô-danh-thị)

Than ôi, ai biết chẳng ai, hồng ôi là hồng !

Việc khoa cử khen ai khéo đặt, lừa anh-hùng đến đầu bạc chưa thôi ; áng công-danh là số phận khôn lường, trêu sĩ-tử dầu gan vàng cũng núng.

Nhớ hồng xưa : sách vở tờ-mờ ; văn-chương phấp-phồng.

Lúc tuổi trẻ nghĩ mình nhanh-nhẹn, từng bút nghiên vùng-vẫy với anh em ; tới khi già biết sức thua chồn dăm lều chiêu ganh-đua cùng bạn chúng.

Thấy tân chỉ nhất, nhĩ trường miễn duyệt, mon-men nộp quyền vào thi ; giờ cụ văn dăm ba thề ra coi, chấp chảnh luyện hơi lấy giọng.

Vợ con đánh dạ bán thóc, bán bông ; thầy tớ theo chân vác lều, vác chõng.

Bút khách tam nguyên nhất thủ. Tứ-lợi Chấn-đông ; cơm hàng mười bát hai quan, Nam-cơ Mỹ-trọng.

Sấm đồ viết tối, đây phe phe hai rươi lọ đầu ; sửa bữa quà trưa, chắt ninh ních một ngăn bánh bồng.

Gọi đến tên co cổ vác lều ; vào lĩnh quyền khoan tay bỏ ống.

Chen chúc đóng rìa Thập-đạo, đề chức nghe hơi ; vội vàng tở : thẳng hai hồi, còn hồng hồi lỏng.

Thấy đầu bài mất đồ đồng-quang ; cầm ngọn bút tay run lỏng-cồng.

Nghề sách nát, lộn phèo lộn phối, sáo mép chính văn tập chú lít nhít lạng-nhăng ; dụng văn gàn viết cỏi viết chày, múa môn hậu-cổ tiền-đề lơ-chơ lỏng-chổng.

Thầy bóp bụng trong trường ngồi nghĩ, mặt chảy li-li ; tớ đứng chân ngoài cửa, đứng chờ mũi sôi bong-bóng.

Làm xong bài, canh đã hồ tản ; vào nộp quyền, hòm vừa sắp đóng.

Đến khi đệ nhi bảng treo ; hai nghìn số trùng.

Kể ra miệng mếu tày gầu; người vào mũi to bằng thổng
Con nào biết bố ta dốt đặc, lên mặt cậu Chiêu; vợ
tưởng rằng thầy nó hay-ho, mồm lòng bà Cống.

Đã lần gần như quan-thị mất ại, rủ nhau đi về lều
lười nói về đi; lại lười-thôi như gái-đĩ già mồm, hỏi ban kẻ
nọ người kia ai không có mà ta thì có không.

Đi qua phố gặp người mĩa-móc, giả cách làm thính; về
tới nhà mắc vợ dày vò, tìm đường nói chống.

Thương ôi! thời vị cập hành; vận còn đương húng.

Cờ tướng đương khi nước bí, thế phải rút xe; tở tôm
chưa đến hội ù, thời đừng phá phỗng.

Giời đất năm nay, năm khác, người thi ta hãy còn thi;
văn-chương ai kém ai đâu, trước hồng sau này chẳng hồng.

*
*
*
III

Bài phú hồng thi (Trần Kế-Xương)

Đau quá đòn hằn; rát hơn lửa bỏng.

Tủi bút, tủi nghiên; hồ lều hồ chống.

Nghĩ đến chữ: nam nhi đặc chí, thêm nổi thẹn - thùng;
ngẫm đến câu: quyền thổ trùng lai, nói ra ngạt ngong.

Thế mới biết học tài thi phận: miệng đàn-bà con trẻ
nói vậy mà thiềng; nào ai ngờ chữ tốt văn hay: tài Bảng-
nhơn Thám-hoa lở ra cũng hồng.

Có một thầy: dốt chẳng dốt nào, nhưng hay chữ lỏng.

Nghien chè nghiện rượu, nghiện cả cao lâu; hay hát hay
chơi, hay nghề xuống lỏng.

Thói nhà phong vận: áo hàng tàu, khăn nhiều tím, ô
lục soạn xanh; ra phố xênh-xang: quần tổ-nữ, bát lất tơ,
giầy gia định bóng.

Tú rớt bảng trong năm giáp-ngọ, nổi tiếng tài hoa; con
nhà dòng ở đất Vị-xuyên, ăn phần cảnh nong.

Năm vua Thành-thái mười-bai, lại mở khoa thi Mỹ-trọng;
quyền đệ tam viết đã xong rồi; bảng đệ tứ chưa ra còn ngóng.

Thầy chắc hẳn văn-chương có mực, lễ thánh xem giò;
cô mừng thăm mữ áo đến tay, gặp người nói mộng.

Ngày di lễ Phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong; tối đây
vài giờ, qua mùng bốn mùng năm cho chóng.

Nào ngờ bảng nhỏ có tên ; ngoại hàm còn trống.

Kể đến sáng văn còn được chấm, biển cót nghênh ngang ;
người ngồi khuya tên hãy được vào, áo dài lưng-thụng.

Thì là thế, sự tình là thế, hử chuyện cùng ai ; người
một nơi, hồn phách một nơi ; thân thân với bóng.

Vì phòng chăm nghề nghiên bút, thì mười ba mười bảy
đỗ những bao giờ ; những là mãi việc vui chơi, mà một
tuổi một già hóa ra lóng-đóng.

Thôi thì thôi ! Sách vở mập mờ, văn-chương lóng-ngóng.
Khoa trước đã chầy, khoa sau hẩn chóng.

Y sẵn kể lo toan việc nước, vua chữa dùng hiền ; hay
không ai dạy dỗ dân em ; giới còn bắt hồng.

*
* *

IV

Nhị liệt phú (1)

(Văn : *đường yết hai nghìn bốn trăm*)

Nguyễn Khương

Quyền phê hạng liệt, — bảng yết chữ đường ;

Khoe hay chữ, hết điều nạt gió ; khổ làng thầy chó nói
tri trắng.

Trường mới hai kỳ, kinh-nghĩa hồng phú, thơ cũng hồng ;
bảng ra một cửa, học trò nhân thầy tú cũng nhân

Sao chẳng đủ ba trường nở mặt ; bởi vì chưng hai liệt
dơ rắng.

Nay vừa : Tự-đức năm đầu ; — án khoa mới thiết.

Trò nào trò ấy đua nhau ; — ai dở ai hay chưa biết.

Sách ứng-thí ngoài ba nghìn bảy, trường Nghệ an xem
sĩ số cũng nhiều ; — lệ cử-nhân lấy hai mươi hai, đức Hoàng-
để lại da ân chẳng ít.

Chắc rằng ngày mồng một với mồng chín, bài hai kỳ
ai cũng không quên ; — hay đâu tối mười-chín sáng hai-
mươi, quyền đôi liệt tên đã phải yết.

(1) Bài này của ông Hoàng-xuân-Hãn chép bằng chữ nôm đưa
cho mượn. Ông Nguyễn Khương người làng Yên-hồ, phủ Đức-
thọ, tỉnh Hà-tĩnh, đậu tú-tài hai khoa.

Mấy nghìn xúm lại, người nhìn vì đen ngịt trước cửa trảng ;— bốn bảng đưa ra, chữ đùng yết đồ lòm bằng cái met.

Mời thấy cột cao treo thấp ; — chữ nhỏ hàng dài.

Tính số ít Tính thời hồng một ; — Nghệ người nhiều Nghệ lại gấp hai.

Trông qua đi, anh nọ chú kia, phường nho-học chỉ một giòng châu gót ; — nhìn trở lại, kẻ này người nọ, các lạng thầy thêm hai chữ vắt vai.

Cũng có anh nguyên đồng tri-phủ, — cũng có anh lữ trúng tú-tài.

Cũng có kẻ dám-sinh cũng giỏi ; — cũng có làng viên-lữ cũng dài.

Cũng có kẻ phạm trường-qui hai bận ; — cũng có anh mắng ịnh liệt hai bài.

Dơ mặt đại hết gà hết vịt, — chớ nói khôn chắc đồ chắc khoai.

Giảng khoa-đạo chưa mấy người dễ biết, — mà trường-quan xem lắm quyền cũng sai.

Hay là trường đệ nhất mắc lừa, nghĩa luận-ngữ mập-mò vì chữ *dụng*, — hay là kỳ thử hai cũng xác, phú trung-dụng lặt lờ bởi văn *tài*.

Nhìn chắc (1) mặt không ra mặt ; nực cười ai cũng như ai.

Kẻ được vào vui mừng nhảy quéo ; người phải ra nhẵn-nhỏ ngồi xoài.

Chung khi ấy, — người trú bộ kẻ ở thuyền.

Món trong xuôi hễ đồ Lách ; món ngược lên hễ cửa tiền.

Có người vắt đầu gối, gọi cô hàng, dốc chén rượu mượn mùi tiêu-khiên ; — có anh vênh hàm râu, kêu thẳng bé, quạt ấm chè đưa dọng giải-phiền.

Việc ông đồ ông cống bây giờ, mặc ai đó cả, — đồng tiền quán tiền hàng giả hết, rũ áo về liền.

Nhớ khi vào, lặc gối ngồi lều, câu thần-cú nghĩ so hai tỉnh ; — chắc rằng đồ, múa tay trong bị, bảng thiên-môn dành có một tên.

Tính vận hạn đã gần lúc đỏ ; hay văn-chương lại mắc hời đen.

(1) Nhau.

Lều chiếu nọ hãy quen hơi gác chạn (1); ống bầu kia còn nhớ cách treo phen.

Thôi thôi dành sức lại sau này, cái hồng có vạch vôi đầu mãi; — chớ chớ dận hờn chi trước nữa, có công khi mài sắt cũng nên.

Mây trời đỏ mở mang năm sắc; — nước sông xanh gặp hội nửa nghìn.

Khuyên ai : chi hãy cho bền, — lòng đừng có nhộn.

Công dùi mài người một ta mười; — sức sôi nấu kinh năm truyện bốn.

Học tập phải cho rành nghề nghiệp, trường ao-biến chưa sồn; — tài hoa thêm gắng lấy công-phu, bút-văn phong càng nhộn.

Đường công-danh học tài thi phạm, song có tài đành có phạm đề dành; — bước thanh-vân kẻ trước người sau, dù lớp trước với lớp sau một bọn.

Văn-chương trúng khảo quan kỳ ấy, liệt hóa nên ưu; — Thanh-danh biến thiên hạ bấy giờ, hanh vì lúc khổn.

Lòng dạn lòng, đường hãy còn dài; — liệt mặc liệt can chi mà nhộn.

Nay mừng : chín lần ngọc bệ; — một giải thiên nam.

Ấn-diễn lấy mậu-thân đi trước; — chính khoa liền kỷ-dậu sang năm

Nhân-tài đều lúc-học đại-nho, sát sát đá váng nổi tiếng. — trường-quan những Thám-hoa Tiến-sĩ rành rành võ ngọc chẳng lằm.

Dải kim tiền thu từ nhỏ bé; — lưới phượng loan rạch kẻ nghìn trăm.

Lúc boàng-thiên bắt phụ bấy giờ, trường cửu dựng ngọn cờ đỏ chói, — Khi bạch địa khởi lai mới biết, nội không nghe tiếng sấm vang âm.

Mấy người ra nhị liệt ngày xưa; đồ bằng rồng lên đó; — Có kẻ lọt tam trường năm trước, dương mắt ếch đứng giòm.

Khen mà kết mấy nhời nói chọc; thử làm chơi ba chữ phú nôm.

..

(1) sàn nhà.

Cổ nhân đòi với trường thi Nam hay khoa-cử thì như thế, còn từ sau khi bãi khoa-cử thì sao ? Tại sao mà cho cách học cách thi cũ là hủ-bại ? Phần nhiều các cụ ta khi xưa chỉ quá chuyên về từ-chương, điều luyện từng câu, thời xao từng chữ, không còn thì giờ đâu mà nghĩ tới việc khác ; phần nhiều lúc nào cũng chỉ ngâm-nga phúng-tụng, sòng trong mộng-tưởng tự-tôn tự đại. Vì có ai lưu tâm đến thực-học, thực-nghiệp, thì lại bị nhảm là tục-tứ. Những cái tệ ấy không phải về sau này mới hiểu, chính các bậc tiên triết về thế-kỷ thứ 17, 18 cũng đã nhiều khi lo tới, nhưng tiếc vì không đem được ý-tưởng ấy mà thực hành. Cụ Nguyễn Công-Hằng sau khi đi sứ Tàu về, nhiều lần xin cái-cách sự thi cử cùng lời văn thi mà không được (*Tang thương ngẫu lục*, quyển I, tờ 12). Cụ Lê Quý-Đôn trong thiên *Nghệ-văn chí* cũng phân-nân về sự trân-hủ của -lời thi-cử đương thời và cách học lạc lối của các sĩ tử sau hồi Lê Trung-hưng (*Lê triều thông sử* 黎朝通史, *Nghệ-văn chí*, tờ 2) Cụ Bùi Sĩ-Tiêm trong tờ tâu năm 1731 cũng thông-thiết kêu về sĩ-tử đương-thời, chỉ biên chép những văn cũ mà học, chấp chánh dăm ba câu văn sáo, gọi là cụ-thê, cốt để đỡ được là thôi ; thậm chí đến sao-nhãng cả *kinh truyện* là gốc rễ văn-chương (*Việt sử thông giám cương mục* 越史通鑑綱目, quyển 37, tờ 19). Cụ Ngô Thời-sĩ trong thiên *Bảo trướng hoành mô* 保障宏謨, ở bài đôi sách về sự-vụ đương-thời cũng tỏ rõ hết tình tẻ, có nói »... có kẻ bảo rằng triều-đình thi học -trò thường ra những đầu bài tẻ-toái, thì những nhà nho yêm quán có người ngại phải thuộc lòng từng câu từng chữ ; mới khoa thi kén người, chỉ đua chọi ở nhờ văn hay thì những bậc hôn hậu có người vụng về xếp chữ, như thế mà người ta bảo (khoa-cử) có hại cho sự kén chọn nhân-tài tưởng cũng không phải không đúng »....

或爲之說曰春園策士嘗以細碎發題
則淹貫之儒或病於隻語片辭之難詎

士望開科止以詞華角勝則渾厚之生
或局於絺章繪句之難工謂賢之有妨
想亦不爲無見... (*Bảo trưởng hoành mô*, tờ 57
trong sách *Ngô gia văn phái*).

Sau khi bãi bỏ trường Nam, trừ những bậc đại trứ-hủ, phần nhiều không mấy người còn tiếc mà đều lấy làm mừng, mừng vì thoát-ly được một ngộ điểm to, vì khoa-cử đã không được đúng như mục-dịch của cổ-nhân lại đưa người vào một con đường lầm lớn, mừng rằng từ nay ta cứ tuần tự mà học, người có tài, học tới bậc cao, ngày một tiến mãi; người tầm thường thì đủ biết cách xử-ký tiếp-vật, làm nghề gì cũng biết mình sinh ở đâu, bổn-phân mình phải thế nào cho khỏi phụ công-lao của tổ-tiên. Chúng ta lại xét kỹ, tại sao mà khoa-cử cũ là hủ bại? Tại toàn-quốc chỉ xu-hướng vào đó, chỉ lấy có một đường đó làm vinh-hiến hơn, nên khi bỏ đi ai cũng mừng. Nhưng theo công lệ, hễ một việc bỏ đi tất có việc khác thay vào, xét cho kỹ ra ta đã bỏ hẳn được óc khoa-cử chưa? Câu hỏi này ngớ-ngẩn thật, trường Nam còn đâu mà thi! Phải, chúng ta bây giờ thật đã xa được cái hình-thức và danh-hiệu khoa-cử, nhưng hình như kỳ thực vẫn còn luẩn quẩn trong vòng tư-tưởng khoa-cử như xưa; cái lều, cái lọ cùng cái ông quyền thi đã thoát-li hẳn rồi, nhưng cái con ma không đỡ thi chệt, không đỡ thi lấy gì mà kiểm án hình như vẫn còn ám ảnh che mờ trí người ta vậy. Đòi với từng người lại sốt-sắng hơn nữa, đi thi không đỡ, có người đại-dội đến nỗi tự-tử, có người phản-uất gọt đầu đi tu. Các cụ khi xưa, tuy có cảm khái dữ dội, cũng đến đánh chén nói liêu là hết. Nét phù hừ bây giờ lại có phần quá... Nói qua một vài việc nhỏ nhất thì đủ suy ra được các việc lớn. Nhà có con gái, khi có người hỏi, tất phải lục vân xem ông rỏ dâm đã đỡ gì chưa; các cô kỳ thực là tầm thường — tự để mình vào bực trí thức, tất phải bạn với ông tân-lang

đỗ đạt. Những cái đó cũng không phải là toàn dốt, cũng có phần ích-lợi cho sự khuyên-miễn các thanh niên tâm-thường, nhưng khuyên-miễn hay thì là hay, khuyên-miễn lạc lối thì cứ lạc mãi. Vẫn đã biết có học thì mới đỗ, cái đỗ là chứng thực cho sự học, nhưng cái học phải có ích cho mình mới có lợi cho người. Tại thế cho nên phần nhiều người đi học cứ phải cầm cổ làm thế nào cho đỗ được là đủ vinh dự, không còn có thời giờ đâu mà nghĩ tới sau xưa, những cách xử-kỷ, tiếp-vật của hiền triết đông tây; nghĩa tu-thân tề-gia ở trong sách thánh hiền. Cứ cò học miễn sao đỗ được là xong việc, lấy việc đỗ làm giới-hạn cho sự học, cứ đỗ xong rồi ôm đầu cũng há. Như thế còn tâm lực đâu mà bước khỏi cái giới-hạn siêu-tuyệt kia, ngó mắt ra ngoài cõi xa, để giả nợ ông cha. Học thế là học cho người, vì người khen chê mà học, không phải học cho mình. Thậm chí có người tâm-thường, nhất là từ khi có vụ kinh-tê khủng-hoảng, lại tự phân-nân: « học mà không dùng, học để làm gì ». Than ôi! cổ-nhân có câu nói « học là học cách làm người, học là học lấy sự hay, lấy những việc chưa biết », ta đã được hưởng thụ gia-tải chỉ-báo của cổ-nhân, ta phải tiên-qua cái trình-độ cổ-nhân, mới khỏi là phân-tử bất-hiệu, mới khỏi là người dật-lùi. Thế cho nên phương-ngôn có câu « con hơn cha là nhà có phúc » có phải chỉ học lấy cái hư-vinh mà thôi đâu. Chưa học chưa biết đã tự-phụ mình hơn các cụ ngày xưa là lắm, nên có hơn thật chẳng nữa, cái hơn ấy bất-qua là cái bổn-phận của mình. Đã gọi là học bao giờ lại có vô-dụng.

Những nhời bản phiêm vừa qua, thật là hảo-huẩn viên-vông. Muốn cho khỏi sai-lạc đâu-đề, xin nói qua lại đến nơi trường thi Nam. Sau khi thôi thi, hình như hồi Âu-chiến bãi đất trường thi Nam có dùng làm nơi tạm trú cho lính mộ, ta gọi là lính chảo-mạo. Ấy những lính ấy là phân-tử Việt-nam đem máu đạo đi dội nơi chiến-địa Âu-châu năm 1914-1918. Lại về sau có một hội

để làm trường máy bay. Cách mấy năm nay chúng tôi qua chơi thành Nam cổ đền thắm nơi cũ, trông thấy khác hẳn, chỉ còn chợ-vợ cái nhà Thập-đạo mà hiện bây giờ thì nhà ấy cũng không còn, thành ra nơi nghĩa-địa của một hội-thiện. Hồi tưởng cảnh cũ, xưa sao rộn-rịp giờ tịch liêu, khiến du-khách ai không động lòng hoài cổ. Có một người bạn cùng đi với chúng tôi, khẩu chiêm mây vẩn, xin chép sau đây để làm kỷ-niệm, hay dờ xin nhường công luận.

*Hai-mươi năm lẻ đến bây giờ,
Viếng cảnh trường Nam luống ngẩn-ngơ:
Khôi, Vị phát văn hay phát võ:
Sống còn cuộn cuộn đá tro tro:*

*Cứ cách ba năm lại một năm,
Trạng-nguyên bốn bề dạn lăm lăm,
Hoa hòe trông thấy vàng đôi mắt.
Người được mừng vui kẻ hồng cầm.*

*Mình biết mình hay nghĩ ngàn đời,
Chim khôn dễ khỏi chết về mồi,
Xénh xang võng lọng cán đai đầy,
Đắm-đuối cho ai đã mấy hồi.*

*Mở mắt xa trông mặt địa cầu,
Khoa danh đã biết bả lừa nhau,
Khen ai khéo đổi tên khoa-cử.
Mà óc thanh-niên vẫn óc Tàu!*

Chúng tôi vẫn biết vấn-đề khoa-cử cùng trường thi Nam — mặc dầu đã thuộc về phạm-vi sử-học — tuy không lay gì lắm cần-thiết cho sự học ngày nay, nhưng cũng giúp ích ít nhiều tài-liệu cho môn văn-học sử cùng văn-hóa-sử nước Việt-nam nhà. Nói tóm lại, vấn-đề khoa-cử rất quan-hệ về nền học-văn của nước nhà và cổ lễ cả của các nước xưa nay cùng chung một văn-hóa với nước Tàu. Cái chân-tướng của khoa-cử. tại sao mà

thịnh, tại sao mà suy ; xét về phần hình-thức, thì những duyên-cách, như chúng tôi vừa nói qua-loa, đã chép lại rõ cả trong các sách về từng thời đại. Còn về phần tinh-thần thì những sự sai-lạc đều do ở cách học mà ra. Khoa-cử có lúc có nhân tài, có lúc không có. Nay ta qui công hay qui tội cả cho khoa-cử có lẽ chưa phải là định luận. Bởi vậy ta cần phải khảo-cứ kĩ-càng, viết thành một quyển sách, phô bày tỏ-rõ cái hình-thức và cái tinh-thần của khoa-cử, mà cái tinh-thần ấy là cái tinh-thần nhờ đó ta đã đào chú được biết bao nhân tài, cái tinh-thần nhờ đó một văn-hóa lớn phương đông đã bành - trướng rực-rỡ trong mấy nghìn năm.

Trước khi đạt được mục-dịch ấy, nay chúng tôi chỉ mới dám đánh bạo nói qua loa, xin thức-giá lượng cho.

* * *

TÊN SÁCH DÙNG ĐỀ KÊ CỬ

SÁCH TÀU

1. 古今圖書集成經濟彙編
選舉典.
*Cổ kim đồ thư tập thành, kinh tế vưng biên,
tuyển cử điển*
2. 周禮注 Châu lễ chú.
3. 大清會典事例 Đại Thanh hội điển
sự lệ.
4. 唐會要 Đường hội yếu
5. 禮記鄭注 Lễ ký Trịnh chú
6. 梁啓超飲水室全集 Lương Khải-
Siêu âm bằng thất toàn tập
7. 明會要 Minh hội yếu
8. 二十四史 Nhị thập tứ sử
9. 國語注 Quốc ngữ chú
10. 蘇東坡文集 Tô Đông-pha văn tập
11. 宋會要 Tống hội yếu

12. 時 務 報 (中 國) *Thời-vụ báo*
 13. 王 荆 公 年 譜 考 畧 *Vương Kinh công niên phả khảo lược*
 14. 春 秋 左 氏 傳 補 注 *Xuân-thu Tả-thị truyện bổ chú*

SÁCH NAM

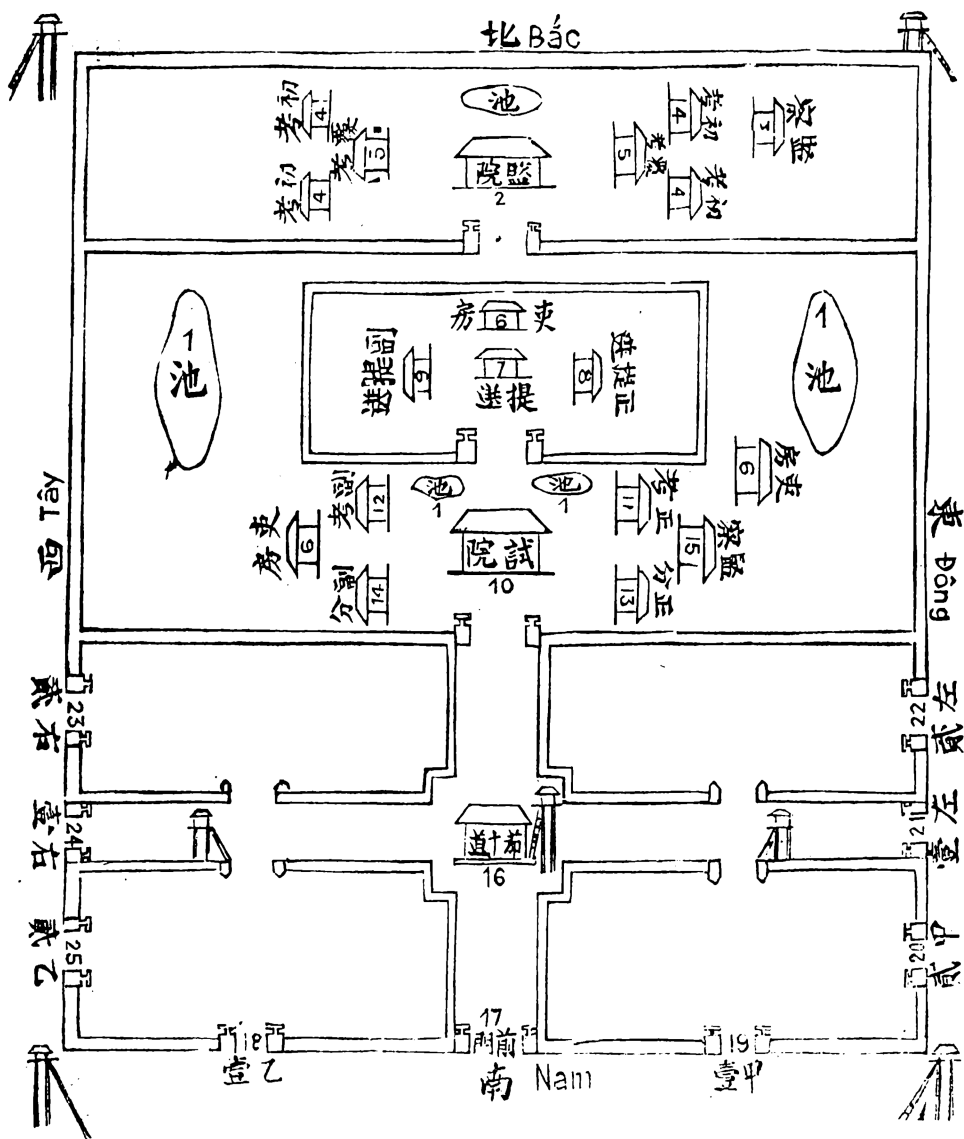
15. Cao Xuân-Dục *Quốc triều khoa bảng lục*
 高 春 育 國 朝 科 榜 錄
 16. — *Quốc triều hương khoa lục*
 國 朝 鄉 科 錄
 17. Đại Nam nhất thống chí 大 南 — 統 誌
 18. Đỗ Văn-Tâm *Đại-Nam điển lệ toát yếu tân biên*
 杜 文 心 大 南 典 例 撮 要 新 編
 19. Đoàn Triền *Đoàn Tuần-phủ công độc*
 段 展 段 巡 撫 公 牘
 20. — *An-nam phong-tục sách*
 安 南 風 俗 冊
 21. Khâm định *Đại Nam hội-diễn sự lệ*
 欽 定 大 南 會 典 事 例
 22. Lê Quí-Đôn *Văn đài loại ngữ*
 黎 貴 惇 芸 臺 類 語
 23. — *Kiến văn liêu lục*
 — 見 聞 小 錄
 24. — *Lê triều thông sử*
 — 黎 朝 通 史
 25. — *Quế đường tập*
 — 桂 堂 集
 26. Lê Nguyên-Trung *Quốc triều đăng khoa hợp biên*
 黎 元 忠 國 朝 登 科 合 編
 27. Lê Đình-Duyên *Tục khắc đăng khoa hợp biên*
 黎 廷 延 續 刻 登 科 合 編
 28. *Lê triều hội điển* 黎 朝 會 典
 29. Ngô gia văn phái 吳 家 文 派

30. Ngô Sĩ-Liên *Đại Việt sử ký toàn thư*
吳士連大越史記全書
31. Nguyễn Chuyết-Phu *Cổ kim khoa thi thông khảo*
阮拙夫古今科試通考
32. Nguyễn Hoàn *Đại Nam lịch triều đăng khoa lục*
阮侗大南歷朝登科錄
33. Nguyễn Văn-San *Quốc văn tũg ký*
阮文刪國文叢記
34. Nguyễn Văn-Đào *Hoàng việt khoa cử kinh*
阮文桃皇越科舉鏡
35. Phạm Đình-Hồ *Vũ trung tùy bút*
范廷琥雨中隨筆
36. Phạm Đình-Hồ và Nguyễn Án *Tang thương ngẫu lục*
范廷琥阮案桑滄偶錄
37. Phan Huy-Chú *Lịch triều hiến chương loại chí*
潘輝注歷朝憲章類志
38. Phan Huy-Ồn *Khoa bảng tiên kỳ*
潘輝溫科榜標奇
39. Trương Quốc-Dùng *Thoái thực ký văn*
張國用退食記聞
40. Tuyết-Huy (Dương Bá-Trạc) *khảo về thi ta*, Nam-phong Janvier-Juin, 1919, t. IV, p. 373-385.
41. *Việt sử thông giám cương mục* 越史通鑑綱目
42. Vũ Phạm-Khai *Bắc triều lịch đại điển yếu thông luận*
武范啓北朝歷代典要通論

SÁCH TÂY

43. *Les examens triennaux des Lettrés au Tonkin*, Revue Indochinoise, 2è année, octobre 1894, N° 15, p. 176.
44. *L'organisation sociale des annamites*. Ib., 1ère année, Septembre 1893, N° 2, p. 127.
45. *Organisation politique et administrative de l'Empire d'Annam*, Ib. 1ère année, Octobre 1893, N° 3 p. 509., v. v...

TRƯỜNG THI NAM-ĐÌNH



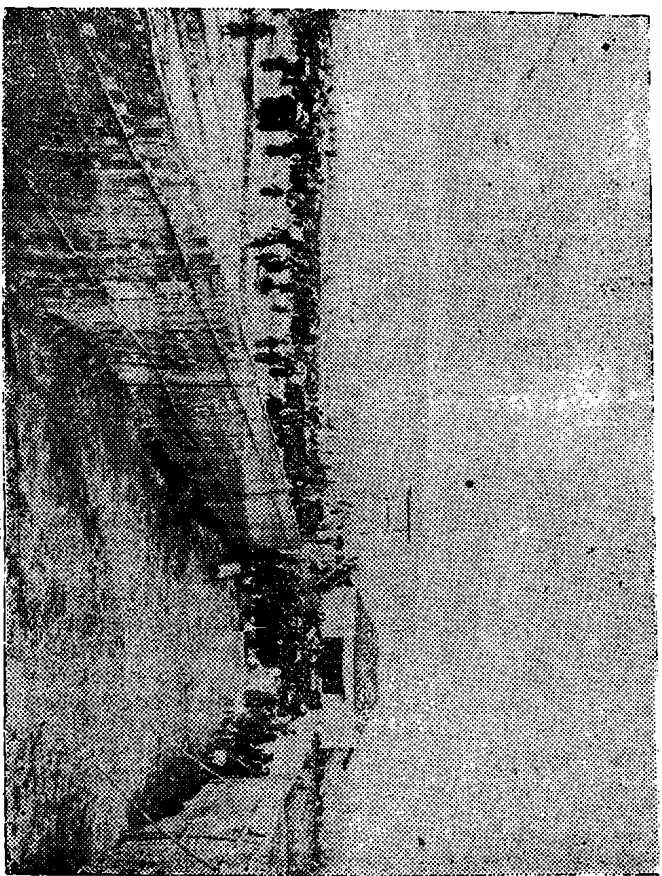
1, Ao; 2, Giám-viện; 3, Giám-sát; 4, Sơ-khảo; 5, Phúc-khảo; 6, Lại-phóng; 7, Đề-tuyển; 8, Chánh Đề-tuyển; 9, Phó Đề-tuyển; 10, Thí-viện; 11, Chánh-khảo; 12, Phó-khảo; 13, Chánh-phân; 14, Phó phân; 15, Giám-sát; 16, Nhà thập-đạo; 17, Cửa-trước; 18, Ất-nhất; 19, Giáp-nhất; 20, Giáp-nhị; 21, Tả-nhất; 22, Tả-nhị; 23, Hữu-nhị; 24, Hữu-nhất; 25, Ất-nhị.

Kỷ-niệm thi Nam khoa Thành-thái giáp- ngọ và đinh-dậu (1894-1897)



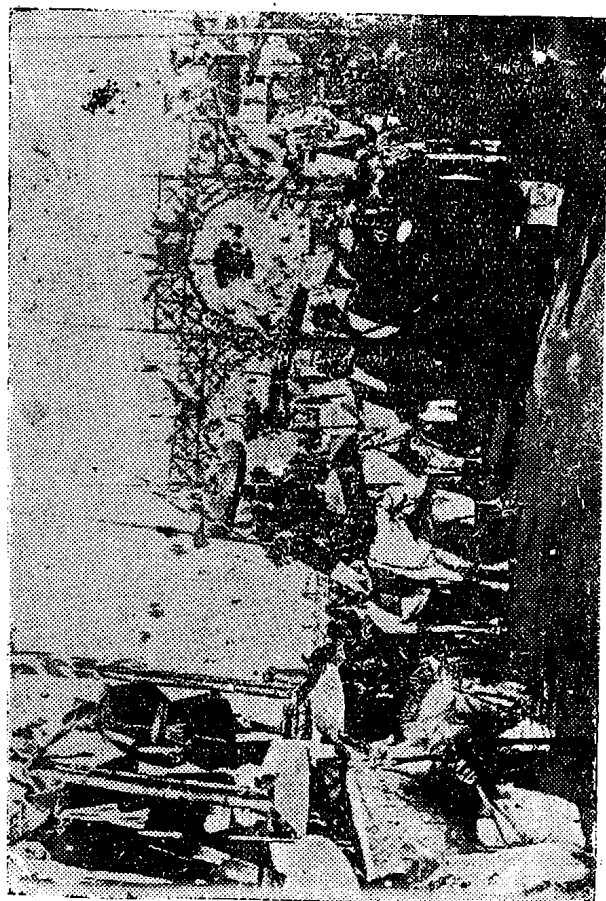
Cl. de l'E.F.E.O.

I. — Chòi giám-sát trong trường thi



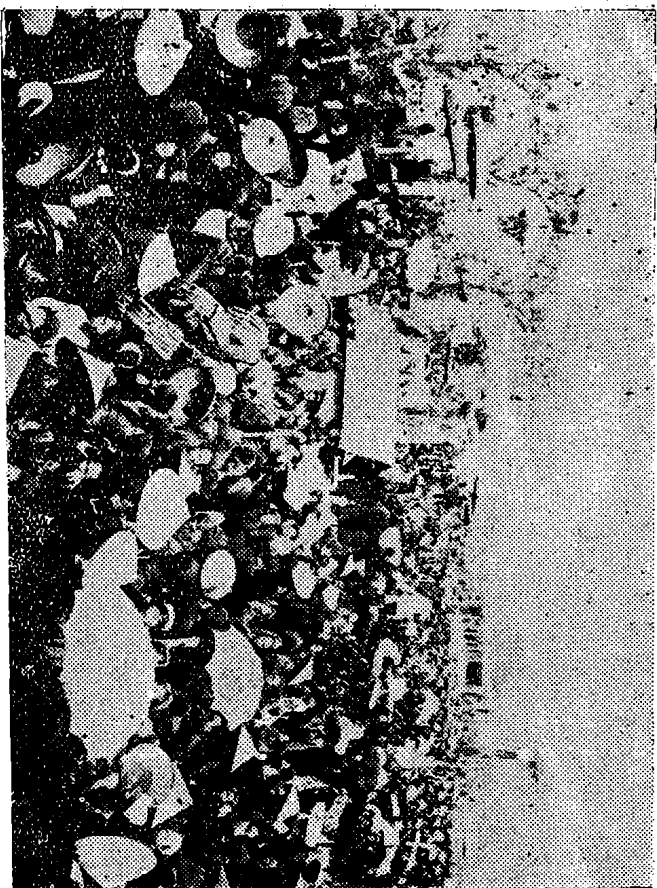
II. — Cửa tiền trường thi, ở nhà Thập-dạo đi thẳng ra

Cl. de l'E.F.E.O.



Cl. del'E.F.E.O.

III. — Xưởng danh



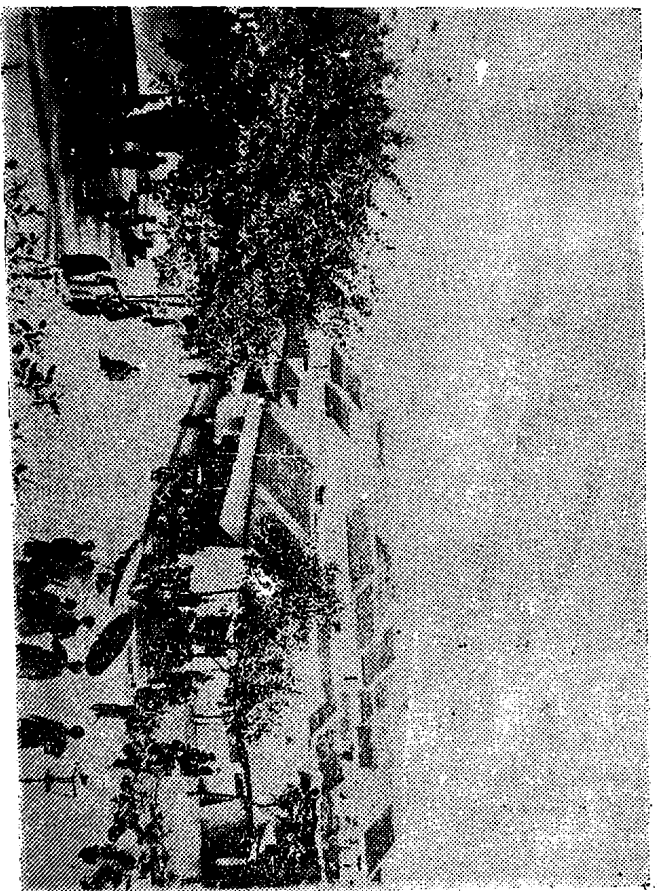
IV. — Treo bằng trứng tuyền

Cl. de l'E.F.E.O.



Cl. de l'E.F.E.O.

V. -- Các ông tân-khoa vào chào các quan tỉnh



Cl. de l'E.F.E.O.
VI. — Các ông tân-khoa đi ngoài phố Nam-dinh



Cl. de l'E. F. E. O.

VII. Quan Chánh chủ-khảo (Cao-xuân-Dục)



Cl. de l'E.F.E.O
VII. — Quan Phó chủ-khảo (Nguyễn-gia-Thoại)



Cl. de l'E.F.E.O.

IX. — Khảo quan



Cl. de l'E.F.E.O.

X. — Khảo quan

Prix 1500,